



Bá Trượng với Linh Hựu

CỬA THIỀN HÉ MỞ

I. THẤU QUA SẮC KHÔNG

Người học thiền mà chưa qua được cửa “sắc không”, còn vướng phải chỗ này thì vẫn nằm trong trí đối đãi, y nguyên vẫn đứng ngoài cửa Tổ. Như Thượng Tọa Minh Nhan là người **học rộng, nhớ giỏi**, khi đến với Thiền sư Huệ Minh bàn luận về tông thừa; qua một lúc lý luận, cuối cùng Thiền sư Huệ Minh bảo:

- Nói nhiều cách đạo càng xa, nay có việc xin hỏi: “Từ trước đến giờ các bậc Tiên đức có ngộ hay không?”

Minh Nhan đáp:

- Nếu là các bậc Thánh Tiên đức thì đâu không có ngộ.

Huệ Minh bảo:

- “Một người trở về nguồn chân, mười phương hư không thấy đều tiêu mất”, hiện nay núi Thiên Thai vẫn y nguyên đây, làm sao nói tiêu mất?

Minh Nhan không chỗ bám.

Thượng Tọa Minh Nhan ban đầu lý luận thế này, thế nọ, cuối cùng bị Thiền sư Huệ Minh dẫn hai câu trong kinh Lăng Nghiêm gạn lại, liền mắc kẹt không qua khỏi được. Nghĩa là, người còn kẹt trong ý niệm “sắc không” đối đãi thì không thể nào vượt qua được chỗ này. Kinh nói rõ: “Hễ một người đã trở về nguồn chân thì cả mười phương hư không thấy đều tiêu mất không còn dấu vết”, vậy xưa nay biết bao nhiêu người ngộ đạo, đã sống trở lại nguồn chân đó mà thành Tổ, thành Thiền sư, nhưng sao núi sông trước mắt vẫn còn đây đây y nguyên đây, phải hiểu thế nào? Kinh nói sai sao?

Bởi người chưa thông, cứ hiểu “tiêu mất” theo nghĩa bị phá tan, dẹp cái “sắc” thành cái “không” đối đãi nhau, khiến không còn thấy biết gì mới là không. Đó là chỗ hiểu của thức tình sanh diệt, rơi trong cái thấy có không, biến thành đoạn diệt. Tức là bỏ “có” mà thành “không” nên bị vướng kẹt, ngăn ngại.

Với người đã mở mắt đạo thì ngay nơi “sắc” hiện tiền đó mà thấy suốt không chướng ngại, không ngăn che, nên mặc dù Sắc có đó vẫn như không, không một chút dấu vết mê mờ, đó mới thực là ngay sắc tức không, là con mắt bát nhã sáng ngời ! Nói rõ hơn, thấy tất cả núi sông, cảnh vật hiện trước mắt, nhưng THẤY VẪN LÀ THẤY, thì có TUỔNG gì trong đó? Thế là Sắc đầy dẫy trước mắt mà không có một chút gì ngăn ngại, che mờ con mắt ấy, tức là nó tiêu mất trong con mắt ấy chứ gì! Cho nên, “không” ở đây là KHÔNG TÂM ĐỊNH CẢNH THÌ CẢNH TỰ KHÔNG, không phải làm cho nó thành không. Chỗ này dù lý luận cách mấy cũng không đến được.

Ngài Đại Huệ – Tông Cảo một hôm đang xem kinh Kim Cang, Thiền sư Chuân tức ngài Trạm Đường thấy thế bèn hỏi:

- “Pháp ấy bình đẳng, không có cao thấp”, vì sao nói núi Vân Cư cao, núi Bảo Phong thấp?

Đại Huệ đáp:

- Pháp ấy bình đẳng, không có cao thấp.

Nếu người chấp theo ngôn ngữ, nghe nói núi Vân Cư, nghe nói núi Bảo Phong liền theo đó sanh hiểu thì bị kẹt giữa sắc không, là bị ngại liền. Tức còn có tâm trụ trên cảnh thì hẳn thấy có cao, có thấp sai biệt. Trái lại, người học cần ngay đây thấu rõ: “Cái gì là pháp ấy?”, tức ngay đó vẫn như như, có gì là cao, là thấp? Cho nên, Trạm Đường vừa hỏi câu đó, Đại Huệ chỉ đáp y câu hỏi “Pháp ấy bình đẳng, không có cao thấp”. Chính cái ông vừa hỏi đó, nó có cao thấp gì? Rời chỗ này mà thấy, liền có cao thấp ngay.

Sự thật, núi đâu tự nói nó cao, nó thấp bao giờ. Chỉ tại người sanh tâm ở trên đó, bèn thấy thành có cao, có thấp, rồi tranh chấp nhau mãi, càng đi xa trong sai biệt. Giờ đây hãy trả lại ngay đó, THẤY CHỈ THẤY, nguyên vẹn như nó là nó, liền vượt qua tất cả sắc không, cao thấp, cửa Thiền đã hé mở!

II. VƯỢT QUA KHUÔN KHỔ NGÔN NGỮ, VĂN TỰ, CHẴNG ĐÁP THEO DẤU NGƯỜI

Với tông chỉ “Giáo ngoại biệt truyền, Bất lập văn tự”, Thiền tông tự có một sức sống vượt ngoài chữ nghĩa, nếu người chưa vượt qua được khuôn khổ ngôn ngữ, văn tự là đời đời vẫn còn đứng ngoài cửa Thiền, dù có nói hay cách mấy. Bởi ngôn ngữ, văn tự là tướng vô thường, là thuộc thứ NGHĨA CHẾT. Đóng khung mình trong đó là sống với cái chết, là nằm trong cái bị hiểu, làm sao sáng được Thiền?

Trong kinh Kim Cang, khi Trưởng lão Tu Bồ Đề hỏi tên kinh, Phật đáp: “Kinh này tên Kim Cang Bát Nhã Ba La Mật”. Liền đó, Phật lại bảo: “Nói Bát Nhã Ba La Mật tức chẳng phải Bát Nhã Ba La Mật”. Người mới nghe qua thấy rất lạ, dường như Phật tự mâu thuẫn. Song, chính đó là một ý nghĩa sâu xa, thức tình khó thấu. Bởi vì cái TÊN đó, đâu phải là “bản thân” Bát Nhã thật. Vì tùy theo

ngôn ngữ thế gian, Phật phải tạm nói thành tên, nhưng bản ý của Ngài là muốn đánh thức cho người cần thấu rõ “cái gì là Kim Cang Bát Nhã?” Không thể nghe nói đến tên ấy, liền y theo đó sanh hiểu thì chỉ là KHAI NIỆM thôi. Đó là chết trên cái tên “Kim Cang Bát Nhã”. Người đạt ý phải nhảy qua cái tên đó, thấy lại ngay chính mình, mới thấu được Bát Nhã sống, không thì cũng chỉ là Bát Nhã chết, Bát Nhã trong chữ nghĩa, trong sách vở, nhà Thiền thường đánh thức người học phải sống dậy chỗ này.

Như Vân Môn khi đến Trang sở của Tuyết Phong, gặp vị tăng, Sư nhờ một việc: “Thượng tọa lên núi, gặp lúc Hòa thượng thượng đường, chúng vừa nhóm họp, liền đi ra nắm chặt cổ tay Hòa thượng bảo: - Ông già, trên cổ mang gông sao chẳng cởi đi?” Sư lại dặn thêm không được nói là lời của ai.

Vị tăng ấy lên núi làm đúng như lời Vân Môn dặn, Tuyết Phong liền bước xuống tòa nắm đứng bảo:

- Nói mau! Nói mau!

Vị tăng không nói được. Tuyết Phong buông ra bảo:

- Chẳng phải lời của ông

Tăng thưa:

- Lời của con.

Tuyết Phong gọi:

- Thị già! Hãy đem dây, gậy đến đây!

Vị tăng liền thưa:

- Dạ chẳng phải là lời của con, đó chính là lời của một Thượng tọa ở Chiết trung hiện đang ngụ tại Trang sở dạy con nói như thế.

Tuyết Phong bảo:

- Đại chúng! Hãy đến Trang sở rước vị thiện tri thức của 500 người lên đây!

Tại sao chỉ một câu nói đơn giản như thế mà ngài Tuyết Phong bảo là của vị thiện tri thức của 500 người? Bởi vừa thượng đường tức là sắp nói pháp, mà có nói ra thành ngôn ngữ thì chính là gông cùm trói người rồi. Vân Môn đã mở mắt tâm nên Sư thấy thấu qua ngôn ngữ, rõ tột trước khi mở miệng nữa kia, vì vậy mà bảo: “Cởi gông trên cổ đi!” Tuyết Phong chưa nói mà Vân Môn đã thấy trước rồi. Với bậc thầy đã sáng mắt, khi nghe qua như thế liền cảm biết ngay, thông cảm với nhau liền. Trong khi đó, ông tăng kia chỉ học nói thôi, nên bị gạn lại liền lúng túng thì chân tướng đã lộ bày, đầu thế chối cãi. Đã vậy, giờ đây chúng ta cứ lo đuổi theo câu, theo lời, phân tích chữ nghĩa hay dở, chia chẻ phải quấy lằng xằng thì càng đóng gông, cột nặng thêm thôi! Nếu chưa qua được cái khuôn chữ nghĩa này thì bị Thiên sư gạt dài dài mà không hay biết.

Có vị tăng đến thưa hỏi Quốc sư Huệ Trung:

- Người xưa nói: “Xanh xanh trúc biếc trọn là pháp thân, Rõ rỡ hoa vàng thấy đều Bát Nhã”, người chẳng tin cho là tà thuyết, người có lòng tin cho là chẳng thể nghĩ bàn, nhưng chẳng biết thế nào mới chính xác?

Quốc sư đáp:

- Đây là cảnh giới của Văn Thù, Phổ Hiền, chẳng phải chỗ các phàm phu, Tiểu thừa hay tin nhận được. Cho nên kinh Hoa Nghiêm nói:

“Thân Phật đầy khắp nơi pháp giới, hiện khắp trước tất cả chúng sanh. Mà hằng ở tòa bồ đề này.”

Trúc biếc đã chẳng ra ngoài pháp giới, há chẳng phải pháp thân?

Lại, kinh Bát Nhã nói: “Vì sắc vô biên nên Bát Nhã cũng vô biên”, hoa vàng đã chẳng vượt ngoài sắc, há chẳng phải bát nhã? Vì vậy kinh vốn chẳng có pháp cố định, pháp vốn không có nhiều thứ.

Vị tăng nghe xong, vẫn chẳng sáng tỏ, hỏi lại:

- Cái tin tức trong đây, người tin là phải? Hay người chẳng tin là phải?

Quốc sư lại đưa cao ý cảnh lên một tầng nữa, bảo:

- Người tin là tục đế, người chẳng tin là chân đế.

Vị tăng rất ngạc nhiên hỏi:

- Người chẳng tin bị chê là tà kiến, Thầy đâu thể nói là chân đế?

Quốc sư bảo:

- Người chẳng tin tự là chẳng tin, chân đế tự là chân đế. Nhân vì chân đế ấy nên phàm phu bị chỉ trích là tà kiến. Người tà kiến đâu thể nói chân đế?

Vị tăng nghe đến đây mới tỏ ngộ “chân lý cứu cánh không dễ tin”

Hãy xem trong đây, nếu chúng ta theo chữ nghĩa mà hiểu thì thấy mâu thuẫn. “Chẳng tin” sao là chân đế được? Không ngờ ý Quốc sư vốn ở ngoài chữ nghĩa. Quốc sư bảo “chẳng tin là chân đế” nhằm muốn chỉ: chân đế – tức lý cứu cánh chân thật – đó là chỗ phàm phu không dễ gì tin nổi. Do họ không tin được chỗ này nên mới bị cho là tà kiến. Vì vậy, chúng ta nghe nói đến “chẳng tin”, nhưng phải rõ “ý” ở chỗ “chân đế”, không thể mắc kẹt theo ngôn ngữ, văn tự. Cứ lo thắc mắc “không tin là tà kiến, tà kiến thì làm sao có thể gọi là chân đế được?” Đó là bị hai chữ “không tin” lừa gạt. Vượt qua được khuôn khổ chữ nghĩa đó, tức thuận nghịch đều thông suốt.

III. VƯỢT QUA Ý NIỆM ĐỐI ĐÃI

Chính ý niệm đối đãi làm ngăn ngại con mắt thiện của vô số người. Người còn kẹt trong ý niệm đối đãi là còn sống trong tình phân biệt, chưa thoát khỏi phạm vi của thức. Mà cái hiểu của Thức là so sánh phân biệt, không thể trực tiếp giáp mặt sự thật. Bởi vậy, trong nhà thiền thường dùng cái bẫy hai bên để gạt người học. Chẳng hạn bà Ni Huyền Cơ đến tham vấn Hòa thượng Tuyết Phong, Tuyết Phong hỏi:

- Từ đâu đến?

Bà đáp:

- Từ núi Đại Nhật đến.

Tuyết Phong hỏi:

- Mặt trời lên chưa?

Bà đáp:

- Mặt trời lên ắt tan núi Tuyết.

Tuyết Phong hỏi tiếp:

- Người tên gì?

Bà đáp:

- Huyền Cơ.

Tuyết Phong hỏi:

- Một ngày dệt được bao nhiêu?

Bà đáp:

- Tác tơ chẳng dính.

Như vậy, cho thấy bà Ni Huyền Cơ đã thật sự có chỗ sống, đã sáng mắt đạo, không bị kẹt trong ý niệm đối đãi hai bên nên vượt qua những cái bẫy của Hòa thượng Tuyết Phong. Hỏi: Từ đâu đến? Đáp: Từ núi Đại Nhật đến. Đại Nhật tức mặt trời to, do đó Tuyết Phong thuận theo cái tên này mà gạn lại: - Mặt trời lên chưa? Đó là đưa ra cái bẫy: Lên- chưa lên. Bà Ni Huyền Cơ đáp ngay: - Nếu mặt trời lên ắt tan núi

Tuyết rồi. Núi Tuyết là ngầm chỉ Tuyết Phong. Tức mặt trời lên thì bất đối tượng, vượt qua cái bẫy lên, chẳng lên.

Ngài Tuyết Phong chuyển qua trận thứ hai, hỏi: - Tên gì? Bà đáp: Huyền Cơ tức máy xe tơ. Cho nên Tuyết Phong liền nhân cái tên đó mà gạn lại: - Một ngày dệt được bao nhiêu? Đó là đưa ra cái bẫy NHIỀU – ÍT. Nếu ngay đó trầm ngâm suy nghĩ là lọt bẫy. Huyền Cơ mắt sáng thấy liền, nên đáp thẳng: - Tác tơ chẳng dính. Tức là suốt ngày làm mà chẳng động đến sợi tơ nào, không sanh một niệm trên đó. Đây là vượt qua luôn cái bẫy nhiều, ít.

Ở một đoạn khác, Ngài Pháp Nhãn cùng với Thiệu Tu, Hồng Tiên đi tham học, gặp trời trở tuyết, cùng nhau ở lại viện Địa Tạng của Thiền sư Quế Sâm. Quế Sâm nhân đó gạn hỏi:

- Trong Triệu Luận nói: “Trời đất cùng ta đồng gốc”, vậy núi sông, quả đất cùng với cái chính mình của Thượng tọa là đồng hay khác?

Pháp Nhãn đáp:

- Khác.

Quế Sâm liền đưa hai ngón tay lên. Pháp Nhãn bèn đáp:

- Đồng.

Quế Sâm cũng đưa hai ngón tay lên, rồi đứng dậy đi.

Khi tuyết tan, ba người từ giã đi, Quế Sâm đưa ra cửa hỏi:

- Bình thường Thượng tọa nói: “Ba cõi chỉ là Tâm, muôn pháp chỉ là Thức”, vậy phiến đá trong sân này là ở trong tâm hay ở ngoài tâm?

Pháp Nhãn đáp:

- Ở trong tâm.

Quế Sâm bảo:

- Người hành cước có gì lại đem phiến đá để trên đầu tâm?

Sư bí không đáp được.

Đây là Thiền sư Quế Sâm đưa ra cái bẫy “ĐỒNG KHÁC, TRONG NGOÀI” để gạn Pháp Nhãn. Trong đây, Pháp Nhãn chưa qua ý niệm “đồng khác, trong ngoài” nên vẫn chưa vượt qua khỏi cửa Quế Sâm được. Bởi trong lúc hỏi bắt ngờ thì tập khí con người vốn quen sống trong ý niệm đối đãi, nên đáp ra đều vướng hai bên, ngay đó biết rõ là người chưa mở mắt thiền. Trong khi đó, với

người đã tỏ sáng chân thật thì nghe lời hỏi liền biết ngay, không mắc kẹt. Như có vị tăng hỏi Thiền sư Ba Lăng:

- Ý Phật và ý Tổ là đồng hay khác?

Ba Lăng đáp:

- Gà lạnh lên cây, vịt lạnh xuống nước.

Câu hỏi của ông tăng đưa ra nằm trong ý niệm hai bên, người đáp chẳng rõ, cứ đáp một chiều là mắc kẹt. Trong đây, Thiền sư Ba Lăng đáp rất khéo: - Gà lạnh thì lên cây, vịt lạnh thì xuống nước, như vậy “lên cây” và “xuống nước” thì không đồng, nhưng “Biết lạnh” thì không hai, làm sao nói cố định là đồng hay khác? Bởi, có Phật, có Tổ thì quả là không đồng, nhưng “ý chỉ kia” vốn không hai nên mới cảm thông nhau, tỏ ngộ thì đồng một cái thấy không cách biệt. Nếu còn kẹt trong ý niệm đồng khác, chia chẻ ý Phật, ý Tổ riêng khác, thì rõ ràng chưa vượt qua được cửa Tổ.

Thêm một điểm nữa, nếu người không mắc kẹt trong ý niệm đối đãi thì cũng nhảy qua được những nghịch lý thông thường của tình thức đặt định. Chẳng hạn bài kệ Pháp thân của ngài Phó Đại Sĩ:

Tay không cầm cán mai,
Đi bộ, ngồi lưng trâu.
Người đi qua trên cầu,
Cầu trôi nước chẳng trôi.

Nguyên văn:

Không thủ bả sử đầu,
Bộ hành ky thủy ngưu.
Nhân tòng kiêu thượng quá,
Kiêu lưu thủy bất lưu.

Theo tâm lý thông thường, đọc qua thấy nghịch lý vô cùng: tay không, sao lại cầm cán mai? Có cầm sao gọi tay không? Đi bộ, sao lại bảo ngồi lưng trâu? Đã ngồi lưng trâu, sao lại là đi bộ? Còn người đi qua trên cầu, mà cầu trôi nước chẳng trôi thì làm sao hiểu? Bởi không hiểu nổi nên có lúc chúng ta muốn sửa lại cho hợp theo cái hiểu thường tình của mình, nhưng không ngờ chính mình chưa đạt đến “ý” của người xưa. Chính ở đây, CẦM mà không cái gì CẦM, ĐI mà chưa từng đi đâu, TRÔI mà vốn không TRÔI chỗ nào cả, thì ngay đó là gì? Còn mê gì nữa? Đó là ngay “tướng” mà vượt qua tướng, ý nghĩa trong đó quả là rất sâu xa, vượt ngoài văn tự ngôn ngữ nên gọi là kệ Pháp thân. Nếu chúng ta cứ hiểu cho hợp lý theo tình thức phạm phu của mình thì bao giờ thấy được pháp thân?

Hoặc như Thiền sư Ba Tiêu từng bảo: “Ông có cây gậy, tôi cho ông cây gậy; ông không có cây gậy, tôi đoạt mất cây gậy của ông”. Ai nghe qua theo đầu óc thường tình thì thấy nghịch lý. Đã có cây gậy, còn cho chi nữa? Đã không có cây gậy thì đoạt cái gì? Không ngờ ý Thiền sư vốn vượt ngoài chữ nghĩa “cho, đoạt”. Trong đây “CHO” mà không có gì được; “ĐOẠT” mà không có gì mất thì ông chính là ông thôi, vậy còn chưa ngộ phải đợi tìm cái gì khác nữa? Thiền luôn nhấn mạnh phải “đạt ý quên lời” là vậy. Bởi vì “nghịch, thuận” chẳng qua chỉ là ý thức đặt định vốn không phải chân lý cố định. Nếu xét cho tột cùng thì ý thức cũng

luôn đòi hỏi vô thường, chính bản thân nó đã không cố định rồi, mà nó đặt ra cái cố định được sao? Đây là Thiền sư đập vào đầu óc khô cứng, chết cứng lâu nay trong cái khuôn khái niệm để tự sống dậy, luôn luôn sáng ngời vượt qua tất cả đối đãi.

IV. DỒN ĐẾN ĐƯỜNG CÙNG, BẤT Ý THỨC, TỰ SỐNG DẬY

Nếu còn có “lý” để hiểu, tức còn có chỗ để suy, để nghĩ, đó là để dành chỗ cho thức tình đi, cho sanh diệt bám. Muốn đạt đến cứu cánh Thiền, người học không thể dừng ở chỗ đó được. Vì vậy, Qui Sơn không chịu nói phá cho Trí Nhân. Sư vốn là người thông minh lanh lợi, cùng với Qui Sơn ở trong hội Tổ Bá Trượng lâu năm nhưng tham thiền chẳng ngộ. Đến khi Tổ Bá Trượng tịch, Sư lại theo Qui Sơn. Một hôm Qui Sơn bảo Sư:

- Tôi nghe ông ở chỗ Tiên sư Bá Trượng, hỏi một đáp mười, hỏi mười đáp trăm, đó là ông thông minh lanh lợi, ý hiểu thức tướng, là cội gốc của sanh tử, Giờ đây ông thử nói một câu trước khi cha mẹ chưa sanh xem?

Sư bị một câu hỏi này liền mờ mịt không đáp được. Trở về liêu, Sư soạn hết sách vở đã học qua, tìm một câu đáp trọn không thể có. Cuối cùng Sư than: “Bánh vẽ chẳng làm no bụng đói!”, bèn đến cầu xin Qui Sơn nói phá. Qui Sơn bảo:

- Nếu tôi nói cho ông, về sau ông sẽ chửi tôi; tôi nói là việc của tôi, đâu dính dáng gì đến ông?

Sư bèn đem những sách vở đã thu thập được ra đốt hết và nói: “Đời này chẳng học Phật pháp nữa, chỉ làm ông tăng bình thường làm việc cơm cháo, khỏi phải nhọc tâm thần”. Sư bèn khóc từ giã Qui Sơn ra đi.

Sư đi thẳng đến Nam Dương, chỗ di tích Quốc sư Huệ Trung. Sư ở đây, một hôm nhân cuộc cỏ trên núi, chợt hòn sỏi văng trúng bụi tre vang ra tiếng, bỗng tỉnh ngộ, phá lên cười. Sư trở về tắm gội, thấp hương nhắm hướng Qui Sơn đánh lễ, ca tụng: “Hòa thượng thật từ bi hơn cha mẹ, trước kia nếu Ngài vì con nói ra thì làm gì có ngày hôm nay!”

Xem đây! Trí Nhân tuy thông minh lanh lợi, nhưng bị một câu hỏi bất ngờ từ chỗ tâm chứng thốt ra, nên không thể tìm trong sách vở có câu trả lời. Sư đến cầu Qui Sơn nói phá cho hiểu, Qui Sơn cũng khéo léo không nói, khiến cho Sư thắc mắc tự tìm hết đường để hiểu, liền đó tự mở ra cái hiểu của chính mình. Ngay lúc tiếng sỏi văng trúng bụi tre, Sư đâu có ý thức đoán trước, cũng không lường trước được, mới chợt phát minh ra, ngoài chỗ tình thức hiểu biết. Chính vì vậy, Thiền không thể bắt chước!

Quốc sư Đức Thiều với Hòa thượng Long Nha cũng tương tự. Sư đến hỏi Long Nha

- Bậc tôn hùng hùng, vì sao chẳng gần được?

Long Nha đáp:

- Như lửa với lửa.

Sư hỏi:

- Bỗng gặp nước đến thì sao?

Long Nha đáp:

- Hãy đi, ông chẳng lãnh hội lời ta!

Sư hỏi:

- Trời chẳng che, đất chẳng chở lý này thế nào?

Long Nha bảo:

- Đạo giả, nên như thế!

Qua mười bảy lần Sư thưa hỏi, Long Nha chỉ đáp như thế. Sư vẫn không nhận được ý chỉ, lại thỉnh cầu Long Nha chỉ dạy thêm. Long Nha bảo:

- Đạo giả! Ông về sau tự lãnh hội lấy.

Sau, Sư ở ngọn núi Thông Huyền đang tắm chợt tỉnh ngộ câu nói trước, bèn đầy đủ oai nghi, thấp hương từ xa trông về Long Nha lễ bái nói: “Khi ấy nếu thầy vì con nói, ngày nay con quyết sẽ mắng thầy!”

Ban đầu Quốc sư Đức Thiệu muốn hiểu, nhưng Hòa thượng Long Nha không cho hiểu, cứ để cho Sư suy tìm đến cùng đường, nghĩ đến hết chỗ nghĩ, tức ánh sáng chân thật lộ hiện ra! Còn có chỗ hiểu được, là vẫn còn kẹt theo duyên. Còn có chỗ suy nghĩ đến được, là còn nằm trong cái BỊ BIẾT. Cho nên đặc biệt Ngài Hoàng Bá với Nghĩa Huyền, ba lần đến hỏi về đại ý Phật pháp thì ba lần chỉ đánh thối, không nói thêm lời nào, không giải thích một chữ, khiến Nghĩa Huyền dồn hết tâm vào một chỗ đó, cuối cùng Đại Ngu chỉ gọi nhẹ một câu, liền tự sống dậy. Phải một phen cùng đường ý thức phân biệt, cùng đường của tâm suy nghĩ, mới có cơ sống dậy!

Trở lại thực tế hiện tiền, ngay đây nếu người BIẾT VỌNG, mà Biết đến không còn tướng gì để biết, Biết đến tốt không còn chỗ để biết, thì chính đó là gì? Tức “Người không cùng muôn pháp làm bạn” tự hiện ra, khỏi đợi phải trở về xa xưa hỏi ông Bàn Uẩn hoặc tìm đến Tây giang uống cho cạn nước! Ai bảo Biết vọng là không rốt ráo? Quan trọng là, một nghe liền thẳng vào, chớ không phải chỉ đứng bên ngoài mà lý luận. Lý luận không bao giờ tới!

V. TRẢ LẠI TÂM BÌNH THƯỜNG, BUÔNG SẠCH MỌI Ý NIỆM VỀ THIÊN

Thiên, cuối cùng là trở về tâm bình thường, buông hết mọi khái niệm về thiên. Còn có một chút khái niệm về thiên đọng lại trong đầu, là cũng còn một lớp ngăn cách. Phải trả lại cho nó, y như nó là nó của tự thưở nào, khi chưa có trời đất.

Linh Huấn ở trong hội của Qui Tông một thời gian. Khi Sư từ giả Qui Tông đi. Qui Tông hỏi:

- Đi đâu?

Sư thưa:

- Đi về Lãnh Trung.

Qui Tông bảo:

- Ông ở đây nhiều năm, sửa soạn hành lý xong hãy đến đây, ta sẽ nói cho một câu Phật pháp cao tốt!

Sư sửa soạn hành lý xong, đến trước Qui Tông. Qui Tông bảo:

- Hãy đến gần đây!

Sư đến gần trước. Qui Tông bảo:

- Trời lạnh, đi đường hãy bảo trọng!

Sư nghe lời này liền quên hết chỗ hiểu trước.

Người mới nghe nói “một câu Phật pháp cao tột”, trong đầu định ninh là một câu gì đó rất cao siêu, phi thường. Không ngờ, chỉ nghe một câu rất bình thường: “Trời lạnh, đi đường hãy bảo trọng!”, liền quên hết không có gì để hiểu cao siêu! Chỗ cao tột là như thế. Bởi còn có chỗ để hiểu là còn có chỗ chưa hiểu. Và còn hiểu, là hiểu về một cái gì đó rồi, tức là trái với cái đang hiện hữu sáng ngời đây!

Có vị tăng hỏi ngài Vân Môn:

- Thế nào là câu nói siêu Phật vượt Tổ?

Vân Môn đáp:

- Bánh nướng!

Người cứ lo tìm hiểu lý cao xa, hỏi ở đâu đâu, quên mất chính sức sống sáng ngời đang hiện tiền đây mới là yếu chỉ. Cho nên Vân Môn không phí công đối đáp xa vời, chỉ đánh thức ông tăng trở về thực tại sáng ngời ông đang sống.

Có vị đại đức hỏi ngài NamTuyền:

- Tức tâm là Phật lại chẳng được, phi tâm phi Phật lại chẳng được, ý Thầy thế nào?

Nam Tuyền bảo:

- Đại Đức chỉ tin tâm mình là Phật liền xong, còn nói cái gì được chẳng được? Ví như Đại Đức khi ăn cơm xong, đi từ Đông lang qua Tây lang, chẳng thể hỏi mọi người là được chẳng được?

Nếu người cứ kẹt trên danh từ “tức, phi”, “được, chẳng được” và dính vào “cái hiểu phải, quấy” thì thành chướng ngại mãi. Nói tức tâm là Phật, nói phi tâm phi Phật, cũng là danh từ thôi, cốt là có tin nhận được chưa? Tin nhận liền xong, hết nghi ngờ, cũng như ăn xong thì tự biết no, trong đó ai thay thế cho mình được? Mình đã ăn xong thì còn nghi gì là no, chẳng no? Nếu có người bảo: “ông chưa no” thì sao? Cũng chỉ cười thôi, có gì phải nghi? Mình đã thật sự thấy rồi, mặc tình cho ai nói “ông phải, chẳng phải” đều không bận lòng. Chỉ một tâm bình thường, bất mọi ý niệm “phải, chẳng phải”, “được, chẳng được”, không thêm bớt gì trong đó. Cửa thiền đã mở sẵn rồi! Tuy nhiên vừa khởi hiểu nó, liền mất bình thường, cửa thiền tự khép kín.

VI. DÁM NHẬN SỰ THẬT

Đây là điểm rất quan trọng! Vì học thiền là học cái thật; nếu cứ tránh né sự thật, chối bỏ sự thật thì làm sao cảm nhận sự thật? Hơn nữa, thiền là chỉ thẳng lẽ thật ngay chính mình, đi thẳng vào vấn đề không phí thì giờ quanh co. Quách Tử Nghi, một Tể tướng đời Đường, có lần ông đến thăm một Thiền sư và hỏi:

- Bạch Hòa thượng, Phật pháp giải thích thế nào về ngã mạn?

Thiền sư liền đôi sắc mặt bảo:

- Kẻ dốt, ông đang nói gì?

Quách Tử Nghi lộ ngay vẻ khó chịu. Thiền sư thấy vậy liền bảo:

- Thưa Ngài, ngã mạn là đó!

Thiền sư thật chỉ thẳng! Nếu không có ngã thì cái gì khởi giận? Cái gì bức tức, khó chịu? Chính cái “TA LÀ TỂ TUỞNG” bị xúc phạm, bị động đến nên khó chịu chứ gì? Khởi cần giải thích dài dòng, ngay đó đã trình bày tướng ngã mạn ra

rồi. Can đảm thấy thẳng lẽ thật đó, dù cho nó xấu, nó dở, cũng thấy ngay mới không lằm. Trái lại, cứ lo giải thích cho người vui lòng, nhưng đâu thấy được tướng ngã mạn? Không khéo còn nuôi dưỡng, vuốt ve nó thêm nữa! Nếu đem tâm trạng này để học đạo, hẳn là khó thấy đạo.

Một ông Tướng Quốc tên Đỗ Hồng Tiệm từng thể hiện tinh thần học đạo chân thật rất đáng quý. Ông đến hỏi Thiền sư Vô Trụ:

- Đệ tử tách thức cạn cọt, trước đây nhân công việc rảnh rỗi có soạn bản số giải Luận Đại Thừa Khởi Tín gồm hai quyển, có thể gọi là Phật pháp chăng?

Thiền sư Vô Trụ đáp:

- Xét về việc viết số giải đều là dùng thức tâm nghĩ xét phân biệt, có tạo tác, khởi tâm động niệm mới có thể làm thành. Theo lời văn trong bản Luận đó có nói: “Phải biết, tất cả pháp từ xưa đến nay lia tướng ngôn thuyết, lia tướng danh tự, lia tướng tâm duyên, rốt ráo bình đẳng không có đối khác, vì chỉ có một tâm nên gọi là chân như”. Nay Tướng Công lại kẹt tướng ngôn thuyết, kẹt tướng danh tự, kẹt tướng tâm duyên; đã kẹt các thứ tướng, làm sao cho là Phật pháp?

Ông liền thưa:

- Đệ tử từng hỏi các bậc Đại đức trong triều, các Ngài từng tán thán đệ tử là chẳng thể nghĩ bàn. Phải biết, những vị ấy chỉ thuận theo nhân tình, nay thầy từ lý giải nói phù hợp với pháp tâm địa, thật là chân lý không thể nghĩ bàn!

Đây là thầy trò tương ứng nhau. Ông thầy dám nói thật, người trò dám nhận sự thật. Người học thiền phải can đảm như vậy, mới học được những điều chưa nghe. Nếu cứ chấp nhận theo lời nói chiều uốn với nhân tình tức là nuôi dưỡng cái ngã, tô đậm thêm thức tình, làm sao đối diện sự thật? Nghĩa là, chúng ta cứ che đậy sự thật bằng những lời lẽ hay đẹp, rồi tự vui lòng theo đó là tự cách biệt chân lý.

VII. TỰ TIN BẢN TÂM

Điều cốt yếu của người học thiền là phải TỰ TIN BẢN TÂM mình là chính. Người chưa tự tin được chỗ này, là còn chạy lãng xăng bên ngoài. Trong phần TÂM YẾU của THIỀN TÔNG ĐÓN NGỘ đã nói rõ điểm này, đây xin nhấn mạnh lại một lần nữa cho người học nghiêm kỹ.

Hòa thượng Tuyết Phong một hôm gọi Huyền Sa bảo:

- Đâu Đà Bị! Tại sao không đi tham vấn các nơi?

Huyền Sa đáp:

- Đạt Ma chẳng đến Đông độ, Nhị Tổ chẳng sang Tây thiên.

Tuyết Phong gật đầu.

Hòa thượng Tuyết Phong bảo Huyền Sa sao chẳng đi tham vấn các nơi, là ngầm ý muốn gạn xem Sư đã có chỗ sống tự tin vững chưa? Sư thưa: - Đạt Ma chẳng đến Đông độ, Nhị Tổ chẳng sang Tây Thiên, là muốn chỉ: việc ấy vốn sẵn có đầy đủ nơi tất cả mọi người, không thật có chuyện “đến” để truyền thêm cái gì khác, cũng không thật có “sang” để tìm cái gì nữa. Chính đó là nói lên, Huyền Sa đã có chỗ tự tin vững vàng, xác quyết, không còn nghi ngờ tìm kiếm thêm nữa.

Song cần thấu rõ, phải tự tin như thế nào mới không lầm lẫn, nếu hồ đồ tin nhận cái tâm sanh diệt này cho là bản tâm, tức là lạc vào đường tà, bị nó phá tan sự nghiệp, nguy hiểm!

Trong Tín Tâm Minh, mở đầu Tổ Tăng Xán bảo:

Chỉ đạo vô nan
Duy hiềm giản trạch
Đản mạc tăng ái,
Đồng nhiên minh bạch.

Nghĩa:

Đạo tốt không khó
Chỉ hiềm chọn lựa
Nhưng chớ yêu ghét
Rỗng suốt sáng tỏ.

Tức là, chỗ chân thật chỉ đạo đó, nó rất là đơn giản, rất là gần gũi chúng ta, không phải khó khăn tìm cầu, suy kiếm ở đâu khác. Điều cốt yếu là, chỉ chớ khởi tâm chọn lựa đây kia, phân biệt yêu ghét, thì ngay đây sáng tỏ rõ ràng, sờ sờ chưa từng che giấu. Tin là tin chỗ đó. Cho nên Ngài kết thúc bài Minh bằng bốn câu:

Tín tâm bất nhị,
Bất nhị tín tâm.
Ngôn ngữ đạo đoạn,
Phi khứ lai kim.

Nghĩa:

Tin tâm chẳng hai,
Chẳng hai tin tâm.
Dứt đường ngôn ngữ,
Chẳng phải xưa nay.

Tin tâm đó là sao? Chính là “tâm chẳng hai”, tâm dứt bật niệm đối đãi hai bên. Chính ngay khi dứt bật niệm đối đãi hai bên đó, liền đó tự tin bản tâm chân thật. Tuy nhiên, chỗ này không phải chỗ nói năng, suy nghĩ tới được, nó vốn vượt ngoài con đường của thức tình hiểu biết. Bởi vậy, người đến hẳn phải một phen buông sạch mọi khái niệm hiểu biết trong đầu, tự thẳng vào chứng nghiệm mới thâm thông. À! Thì ra, Nó suốt tốt xưa nay, luôn luôn hiện tiền sáng rõ không thời gian! Còn nghi ngờ gì nữa?

VIII. TÓM KẾT

Thiền, chính ở Tâm người, không thể tìm ở đâu khác, đây là điều xác quyết rõ ràng lần nữa cho mọi người tin chắc không nghi ngờ. Vào thiền thì phải “sáng tâm, tỏ tánh” thôi, ngoài tâm tánh đi tìm thiền là quay lưng với thiền.

Vượt qua mọi ngôn ngữ ước định, mọi khái niệm hiểu biết theo lối mòn, xoay lại chính mình là YẾU CHỈ VÀO ĐẠO. Thiền vốn không cửa, nhưng người vượt qua cửa thì thấu được thiền. Đây là điểm đặc biệt không thể lý luận bằng lời.

Có vị tăng hỏi Thiền sư Trí Cự hiệu Khương Tuệ ở Tào Sơn:

- Người xưa nói “Nếu ghi nhớ một câu, nhiều kiếp làm cáo tinh”, chưa biết ý chỉ của người xưa thế nào?

Sư đáp:

- Nhà tăng Long Tuyền chưa từng khoá.

Ông tăng dẫn lời người xưa, ý nhắn nhủ cho người học đạo: Nếu cứ lo đuổi theo câu chữ, ghi nhớ những lời chết là mê mờ, vậy phải làm sao để có sức sống thật? Tuy nhiên ông tăng cũng không thoát được cái lưới của người xưa: vẫn nhắc lại lời ấy. Thiền sư Khương Tuệ thì nhắm thẳng vào sức sống đang hiện hữu buông một câu, toàn thể lộ bày: nhà tăng xưa nay cửa chưa từng khoá, vậy sao cứ đứng bên ngoài mà hỏi mãi? Nếu hay một niệm quên duyên thẳng vào, mới rõ vốn ở trong ấy từ lâu, cũng không thật có ra vào. Kỳ nhất là chân chừ do dự. Vừa cúi đầu trầm ngâm tức thân ở tại quê người rồi. Nếu còn hỏi lại tại sao thì mây đen phủ kín.

Xưa nay sẵn đó vốn sờ sờ,
Nào có trong ngoài để mở vô!
Một niệm quên duyên không chỗ bám,
Giật mình trong ấy tự bao giờ!



TÂM THỂ TINH KHÔI



TỨC TÂM THỂ MỚI MỀ, CÒN NGUYÊN VỆ Y NHƯ NÓ LÀ NÓ TỰ THUỞ NÀO

I. AI KHÔNG TÂM THỂ?

Điều trước nhất cần xét kỹ lại xem, trên thế gian này, ai là người không có tâm thể? Thấu được chỗ này thì rõ chỗ căn bản mê làm của chúng ta từ vô thủy đến nay.

Thường chúng ta bị Phật gọi là mê, là sống trong hư vọng phải chăng? Đã gọi là mê, nếu không có tâm, lấy gì là mê? Cây đá, máu thịt, gân xương đâu biết mê? Có mê là chấp nhận có Tâm rồi. Đây là một điểm.

Thứ hai, gọi là vọng, tức là sao? Nghĩa là trái với chân thể thì gọi là vọng chứ gì? Nếu hoàn toàn không có chân thể thì nói vọng cũng dư. Cho nên nói vọng là ngay đó tự thâm nhận có chân thể. Chính vì chúng ta bỏ quên cái TÂM THỂ CHÂN THẬT ban đầu này, nên mãi lang thang đuổi theo bóng dáng sanh diệt, gọi đó là vọng.

Vua Trần Thái Tông trong bài kệ tóm tắt NÚI THỨ NHẤT có hai câu:

Chỉ sai hữu niệm quên vô niệm,
Liên trái không sanh nhận có sanh.

Tức là, đang ở trong thể vô niệm vô sanh an ổn không chuyện gì, bỗng động niệm liền đó quên mất chính nó, ngay đó là trái với vô sanh mà đi vào có sanh có diệt, đây là nhận cái vọng chứ gì? Song, sở dĩ có niệm, có sanh là vì sao? Vì quên chỗ vô niệm, vì trái chỗ vô sanh thôi.

Có vị tăng hỏi Hòa thượng Lang Nha:

- Thanh tịnh sẵn vậy, vì sao bỗng sanh núi sông, cõi đất?

Sư đáp:

- Thanh tịnh sẵn vậy, vì sao bỗng sanh núi sông, cõi đất?

Đây là ông tăng dẫn kinh Lăng Nghiêm, Ngài Phú Lô Na hỏi Phật. Chỗ đặc biệt của Thiền sư là giống như chỉ lập lại câu hỏi vậy thôi, nhưng lại là cách đáp chính xác vô cùng. Câu hỏi là: Đang sẵn thanh tịnh như vậy, có gì bỗng sanh ra các thứ? Thiền sư lập lại y nguyên câu hỏi, như dội lại ngay chỗ vừa hỏi đó. Chính ngay đó, ông đang thanh tịnh an ổn không việc gì, bất chợt khởi niệm hỏi, không phải là trong ấy bỗng sanh núi sông, cõi đất hay sao? Ngay đó tỉnh lại, liền

rõ chỗ trước khi sanh chứ gì! Chỉ một chút kẽ hở này liền phân mê ngộ cách biệt. Kinh Pháp Hoa gọi là, cùng tử lang thang bỏ cha đi làm kẻ ăn mày nơi đất khách quê người. Đất khách nào? Chính là các trần trước mắt đây! Vừa ở trần này, lại vào trần kia, rồi bắt qua trần nọ, cứ thế đi mãi, đi mãi... quên hẳn đường về! Song, chính khi chạy vào các trần đó, thì cái gì chạy? Than ôi! Lại mê cái ấy, chỉ biết có trần thôi, vô minh là đây!

Hòa thượng Thạch Đầu đã từng bảo Đại Điền:

- Trừ ngoài nương mày chớp mắt hãy đem tâm lại!

Đại Điền thưa:

- Không tâm có thể đem lại.

Thạch Đầu liền bảo:

- Nguyên lai có tâm sao nói không tâm, không tâm tức đồng với chê bai rồi!

Kìa, ông bảo không tâm, vậy chính “cái gì nói là không tâm đó?” Bởi người người đều có sẵn tâm thể ấy mà bỏ quên không chịu nhận, có mà không hay biết nên gọi là Mê, nhớ lại là Giác. Lẽ thật rõ ràng như thế, còn gì nghi ngờ nữa?

II. TÂM THỂ Ở ĐÂU?

Đã biết có tâm thể rồi, vậy thì tâm thể đó ở đâu mà mê? Sự thật nó không ở đâu cả mà ở ngay chính mình, đó là một điều không ai ngờ. Chính vì không ngờ nên mọi người cứ chạy đi tìm. Nhưng tìm ở đâu cho ra?

Trong *Huyết Mạch Luận*, Tổ Sư đã bảo: “Ba cõi đều dấy lên, đồng về một tâm. Phật trước, Phật sau lấy tâm truyền tâm, chẳng lập văn tự. Hỏi: - Nếu chẳng lập văn tự, lấy gì làm tâm? Đáp: - Ông hỏi tôi chính là tâm ông, tôi đáp ông chính là tâm tôi. Tôi nếu không có tâm, nhân đâu biết đáp ông? Ông nếu không có tâm, nhân đâu biết hỏi tôi? Hỏi tôi chính là tâm ông, từ vô thủy kiếp đến nay, cho đến mọi hành động tạo tác trong tất cả thời, tất cả chỗ đều là bản tâm ông”.

Trong đây Tổ Sư xác định rõ ràng, tất cả thế gian có ra, dù có muôn ngàn sai khác, mà không cái gì ra ngoài MỘT TÂM. MỘT TÂM nào? Người học đạo cần thấu rõ chỗ MỘT TÂM này, liền rõ gốc gác của sanh tử. MỘT TÂM đó, chính là “tâm thể không hai” hay “tâm thể tinh khôi” chứ không gì khác. Tâm thể này đâu thuộc văn tự chữ nghĩa? Ngòi bút nào ghi được nó? Cho nên Phật Phật truyền nhau chỉ là truyền tâm này. Hay nói rõ hơn, chính đây là chỗ sống của chư Phật, lia chỗ này thì Phật chỉ còn là Phật trong sách vở.

Đây, Tổ Sư chỉ thẳng cho thấy tâm này ở đâu? “Hỏi tôi chính là tâm ông, đáp ông chính là tâm tôi”. Chính ngay chỗ hiện tiền “đang hỏi đáp”, tâm thể sẵn hiện hữu trong đó. Nếu không có tâm, nhân đâu có hỏi, có đáp? Đây là nhân cái DỤNG, Tổ Sư chỉ ra cái THỂ. Đã có cái dụng phát ra nói năng, hỏi đáp, tới lui, qua lại đó, thì từ cái gì mà khởi dụng? Nếu không có Thể thì lấy gì khởi Dụng? Tuy nhiên chỗ này cũng dễ làm! Nếu người hấp tấp nhận cái nói năng, động dụng đó cho là bản tâm, thì cũng mê. Tại sao? Vì nếu nhận cái “hỏi đáp” đó cho là bản tâm, khi không hỏi đáp thì sao? Tức thành không có tâm hay sao? Nhận như thế là nhận trên cái sanh diệt rồi! Trong đây phải thật chính chắn. Cốt yếu là, người lanh lợi phải khéo nhân đó mà thâm nhận trở lại “tâm thể kia”. Từ tâm thể đó ứng dụng ra mới không lầm.

Để rõ hơn, chúng ta hãy nghe thầy trò Qui Ngưỡng hiển bày “thể dụng” cho thấy. Qui Sơn đang hái trà, Sư gọi Ngưỡng Sơn bảo:

- Cả ngày hái trà, chỉ nghe tiếng con mà chẳng thấy hình con.

Ngưỡng Sơn liền rung cây trà. Qui Sơn bảo:

- Con chỉ được cái dụng của nó, chẳng được cái thể của nó.

Ngưỡng Sơn thưa:

- Chưa biết Hòa thượng thể nào?

Qui Sơn im lặng. Ngưỡng Sơn nói:

- Hòa thượng chỉ được cái thể của nó, chẳng được cái dụng của nó.

Có ai thấy được thầy trò Qui Ngưỡng chẳng? Qui Sơn bảo hiện hình, Ngưỡng Sơn “rung cây trà”, tức hiện hình đó rồi. Sao Qui Sơn còn bảo “chỉ được dụng, không được thể”? Chẳng lẽ ngoài cái dụng đó, riêng có cái thể nào khác nữa? Nếu quả thực không có cái “thể” thì lấy gì hiện ra cái “dụng” ấy? Đây là Qui Sơn ngầm nhắc cho người, chớ làm bị Ngưỡng Sơn gạt, chỉ thấy trên tướng động của cây trà là mờ mắt. Phải thấy sâu qua chỗ “cây trà không thể rung tới kia” thì mới tròn thể dụng!

Cho nên tiếp theo Qui Sơn im lặng là bỏ túc chỗ ấy. Nhưng người không hiểu, theo lời mà bị gạt. Nghe Ngưỡng Sơn bảo: “Hòa thượng chỉ được thể, không được dụng”, bèn chê Qui Sơn là còn nghiêng lệch, tức làm to! Nếu quả thực trong đó chỉ có “thể” mà không có “dụng”, thì đó là cái “thể chết”, vậy cái gì “Biết im lặng”? Thế nên trong đây im lặng mà sáng ngời, mà vang như sấm, đừng tưởng im lặng là không biết gì. Người mắt sáng, phải thấy thấu qua tướng im lặng kia mới thấy được thầy trò Qui Ngưỡng. Vì im lặng là đối với tướng nói năng, tướng rung cây trà kia, cũng thuộc tướng sanh diệt đối đãi.

Trong đây cần rõ: Ngưỡng Sơn rung cây trà, Qui Sơn đã hiện trong đó! Qui Sơn im lặng, Ngưỡng Sơn cũng hiện trong đó! Đâu thể tách rời chia hai mà nói một được, một chẳng được? Rõ ràng tâm thể vốn hiện tiền đầy thôi.

Và đây, Sở Nam đến tham vấn Hòa thượng Hoàng Bá, Hoàng Bá hỏi:

- Thế nào là trước khi ông chưa hiện hình trong ba cõi?

Sư thưa:

- Ngay hiện nay đâu phải có.

Hoàng Bá bảo:

- Có không hãy gác lại, ngay hiện nay thể nào?

Sư thưa:

- Chẳng phải xưa nay.

Hoàng Bá bảo:

- Pháp nhãn của ta chính ở nơi ông.

Cái gì là trước khi hiện hình trong ba cõi? Tức “tâm thể tinh khôi” chứ gì! Chỗ đó có hình tướng gì để thấy, để nói? Song, người nghe hỏi như thế, bèn theo câu hỏi tướng xa xôi về quá khứ nào đó, là quên mất chính mình đang hiện hữu. Ngài Sở Nam không lầm theo ngôn ngữ, nên đáp rõ: “Ngay hiện nay đâu phải có”. Tức ngay đây, chưa khởi niệm thì có hình tướng gì? Chính đó là tâm thể tinh khôi,

là chỗ chưa hiện hình trong ba cõi, đâu có tướng gì che mờ được? Tuy nhiên, vừa động niệm liền có hiện hình rồi, là rơi trong ba cõi liền đó.

Song, Hoàng Bá còn gạn thêm: “Có không hãy gác lại, chính hiện nay thế nào?” Nếu chưa phải người thực sống trong đó, hẳn khó trả lời. Sở Nam đáp thẳng: “Chẳng phải xưa nay”, tức vượt qua ý niệm xưa nay. Thế đó sờ sờ như vậy, vốn chẳng rơi vào xưa nay, chẳng thuộc trong thời gian trước sau. Rõ được chỗ này là mở con mắt pháp, ánh sáng thiền xuất hiện ngay đó!

III. TỪ Đâu TRỞ VỀ?

Rõ biết được tâm thể này có sẵn nơi mình đây rồi, nhưng hiện nay còn đang trong mê lầm thì từ đâu mà trở về?

Quả thực cũng rất đơn giản, vốn chính từ cái BIẾT này mà mê, thì cũng chính từ cái BIẾT này mà trở về thôi, không có con đường nào khác. Nghĩa là, BIẾT yêu, BIẾT ghét, BIẾT hơn, BIẾT thua, BIẾT phải, BIẾT quấy... đó là BIẾT trong mê, BIẾT theo duyên, theo cảnh, là cái BIẾT đi trong sanh tử luân hồi. Giờ đây, cứ ngay đó mà trở về là xong.

Kinh Lăng Nghiêm, Phật bảo: -Những người tu hành chẳng thể thành tựu Vô thượng bồ đề, cho đến riêng thành Thanh Văn, Duyên Giác và quyền thuộc của ma, đều do chẳng biết hai thứ căn bản, tu tập làm lộn. Thế nào là hai thứ?

1. *CĂN BẢN SANH TỬ TỪ VÔ THỦY*: tức chính ông hiện nay và các chúng sanh dùng “tâm phan duyên” làm tự tánh.

2. *THỂ BỒ ĐỀ NIẾT BẢN THANH TỊNH SẴN CÓ TỪ VÔ THỦY*: tức chính ông hiện nay cái “thức thể sẵn tự sáng ngời” (Thức tinh nguyên minh), nó hay sanh ra các duyên, mà bị các duyên bỏ sót nó. Do các chúng sanh bỏ sót cái “sáng suốt sẵn có”(Bồ minh) này nên tuy trọn ngày tu hành mà chẳng tự giác, uổng đi vào các thú.

Dùng tâm phan duyên làm tự tánh, đó là căn bản sanh tử từ vô thủy đến nay. Tâm phan duyên tức cái Biết theo duyên chứ gì? Còn “thể Bồ Đề niết bản sẵn có từ vô thủy” là ở đâu? Tức ngay cái “thức thể sẵn có sáng ngời” hiện nơi mình đang sống đây thôi. Cái thức thể đó là gì? Chính là CÁI BIẾT SỜ SỜ đây, hay cái TÂM THỂ TINH KHÔI đấy! Chính CÁI BIẾT CÒN NGUYÊN VẸN, MỚI MẸ, TINH KHÔI NHƯ NÓ LÀ NÓ CỦA TỰ THUỞ NÀO nên gọi là “thức tinh”. Nó hay sanh ra các duyên, là nó Biết cái này, Biết cái nọ, Biết đủ thứ không thiếu sót. Biết duyên tức là sanh, vì khi biết cái nào là có cái đó hiện. Nhưng khi nó Biết cái gì, thì nó chỉ nhớ cái đó, nó đồng hóa mình là cái đó mà quên mất chính nó, nên gọi là “bị các duyên bỏ sót nó.” Chính vì bỏ sót nó, gọi đó là Mê, là quên mất đường về, nên đi vào các thú. Tu hành mà cứ lấy cái Tâm chỉ Biết theo duyên đó để tu, thì bao giờ tự giác được để trở về? Song, đường về ở đâu mà không trở về được? Cũng chính ngay đó thôi. Muốn trở về, cũng phải ngay cái Biết đó mà trở về, chính đây là quê nhà muôn thuở!

Trở về thế nào? Chỉ cần: Biết tất cả mà không bỏ sót chính nó vậy thôi.

Thiền sư Lâm Tế - Nghĩa Huyền có lần thượng đường bảo: “Có một người ở mãi giữa đường mà chẳng lìa nhà, có một người lìa nhà mà chẳng ở giữa đường.”

Thật là nghịch lý chẳng? Tại sao lìa nhà mà chẳng ở giữa đường? Ở giữa đường mà chẳng lìa nhà? Thiên như thách thức với đầu óc quen đóng khung trong vòng lý luận của thế tình, nhưng lại là một lẽ thật sáng ngời với người đã mở mắt tuệ. Vậy ai thấy người nào ở mãi giữa đường mà chẳng lìa nhà? Người nào lìa nhà mà chẳng ở giữa đường? Và trong đây là mấy người? Quả thật chính là “tâm thể tinh khôi” này thôi. Dù chúng ta đang mê mờ lang thang trong trần, nhưng sự thật nó có đi đâu?

Chỉ cốt ngay đây đổi lại: thay vì Biết tất cả mà quên mất chính nó, giờ đây hãy Biết tất cả mà không bỏ sót chính nó trong bất cứ trường hợp nào, trong bất cứ nơi chốn nào, thì có chỗ nào vắng mặt nó đâu? Như thế rõ ràng đâu đâu chẳng là quê nhà? Nghĩa ở giữa đường mà chẳng lìa nhà sáng tỏ như ban ngày, có gì phải nghi ngờ!

Bài kệ của Ngài Tam Bình nói:

Tức thử kiến văn phi kiến văn,
Vô dư thính sắc khả trình quân.
Cá trung nhược liễu toàn vô sự,
Thể dụng hà phòng phân bất phân.

Nghĩa:

Chính thấy nghe này chẳng thấy nghe,
Đâu thừa thính sắc đáng trình anh.
Trong kia nếu rõ toàn vô sự,
Thể dụng ngại gì phân chẳng phân.

Chính ngay cái THẤY NGHE hiện tiền đây, thấy nghe tất cả mọi sắc thính nhưng không dừng ở một sắc, một thính nào, tức thấy nghe mà chẳng thấy nghe chứ gì. Đó là thấy nghe nguyên vẹn như nó là nó, ngay đó trọn vẹn sáng ngời đâu còn có chút sắc thính nào lẫn vào để mà trình. Thấy nghe như thế là toàn “THỂ” ở trong thấy nghe rồi, thấy là toàn thể thấy, nghe là toàn thể nghe, vậy còn có cái thể nào riêng khác nữa đâu mà chia là thể, là dụng? Người còn chia chẻ đây là thể, kia là dụng, là rõ ràng chưa hết mê!

Bàng Uẩn ở trong hội Hòa thượng Dược Sơn, khi từ giã đi, Dược Sơn sai mười thiền khách tiễn đến cổng. Ông bèn chỉ tuyệt trong hư không nói:

- Tuyệt đẹp từng mảnh từng mảnh chẳng rơi chỗ khác.

Thiền khách Toàn hỏi:

- Rơi ở chỗ nào?

Ông tát Thiền khách Toàn một cái tát, Toàn bảo:

- Cư sĩ không được vô lễ.

Ông nói:

- Ông thế ấy mà xưng là Thiền khách, Diêm Vương chưa tha ông đâu.

Toàn hỏi:

- Cư sĩ thì sao?

Ông tát cho một cái tát nữa, nói:

- Mắt thấy như mù, tai nghe như điếc.

Ông Bàng Uẩn rõ ràng có chỗ thấy sáng ngời chẳng mê. Ngay tuyết rơi, thấy rõ từng mảnh tuyết, từng mảnh tuyết rành rẽ không làm, không có một mảnh nào lọt ra ngoài con mắt ấy, thì TÂM THỂ SỒ SỒ đó, còn phải tìm đâu nữa? Thiên khách Toàn lại làm qua, hỏi rơi chỗ nào? Đó là theo tuyết rơi quên mất chính mình rồi. Tức bị các duyên bỏ sót nó rất đau thương, nên liền bị tát! Vậy mà Toàn còn chưa tỉnh! Nếu ngay đó khéo thấy trở lại, tức liền trên đường về, mặc cho ông Bàng Uẩn tát, làm sao tát đến chỗ này?

IV. VỀ ĐÂU?

Nói ngay đó liền trở về, nhưng về đâu? Không khéo lại kẹt theo ngôn ngữ thành mê nữa. Chỉ là trở lại trước khi khởi niệm thôi, thấy có chỗ về là nằm mộng như cũ.

Bài pháp đầu tiên Lục Tổ bảo Huệ Minh:

- Chẳng nghĩ thiện, chẳng nghĩ ác, cái gì là mặt mày xưa nay của Thượng tọa Minh?

Chẳng nghĩ thiện, chẳng nghĩ ác, đó là Lục Tổ đưa Thượng tọa Minh trở về trước khi động niệm, ngay đó tự nhận ra “mặt thật xưa nay” của chính mình từ vô thủy thôi. Tâm thể tinh khôi là đấy!

Sư Nhan hỏi Hòa thượng Nham Đầu:

- Thế nào là lý bản thường?

Nham Đầu bảo:

- Động.

Sư Nhan thưa:

- Khi động thì thế nào?

Nham Đầu bảo:

- Chẳng phải lý bản thường.

Sư im lặng giây lâu, Nham Đầu bảo:

- Nhận tức chưa thoát khỏi căn trần, chẳng nhận tức hằng chìm trong sanh tử.

Lý bản thường, tức nó thường sẵn như vậy chưa có xen gì vào. Nói theo đây là tâm thể mới mẻ, tinh khôi trước khi động niệm chứ gì? Nó đã thường sẵn như vậy, chợt khởi niệm hỏi thì sao? - Tức là động rồi. Mà đã động là trái bản thường, là đi vào cái khuôn hiểu biết, khái niệm. Nếu còn chần chừ nhận chẳng nhận, tức rơi vào hai đầu sanh diệt, càng đi xa. Vượt qua đó, liền rõ lý bản thường, khỏi hỏi thêm.

Nếu người sống trong tâm thể tinh khôi này, thì nó Biết khắp rất tinh tế, không chút gì qua lọt. Như Ngài Lâm Tế từng bảo: “Sơn tăng nói pháp khác với mọi người ở khắp nơi, hoặc có Văn Thù, Phổ Hiền xuất hiện trước mặt, mỗi vị hiện mỗi thân hỏi pháp, vừa nói: -Thưa Hòa thượng! Tôi đã sớm biết rõ rồi. Huynh đệ đến gặp nhau tôi trọn biết rành. Chỉ vì cái thấy của tôi riêng khác, ngoài chẳng nhận lấy phạm thánh, trong chẳng trụ căn bản, thấy suốt trọn không có nghi lầm”.

Tại sao Sư thấy hay như vậy? Chỉ vì “ngoài chẳng nhận lấy phạm thánh, trong chẳng trụ căn bản”. Tức là luôn luôn ở trong “tâm thể tinh khôi” ấy, không

theo tướng phân biệt phàm thánh bên ngoài, không trụ chỗ căn bản nơi tâm bên trong, nói đơn giản là KHÔNG TRỤ TRONG NGOÀI, nên thấy suốt không có nghi lầm. Tuy nhiên, không trụ bên ngoài thì dễ hiểu, tâm bên trong cũng không trụ nữa là sao? Bởi vì còn thấy có cái tâm căn bản để trụ, tức biến nó thành cái đối tượng rồi, là có thêm cái bóng thứ hai án ở trước, thì đâu thể thấy suốt!

Cho nên trong đây vừa có TRỤ là mất tinh khô, là có cái khác xen vào. Do đó, trở về là về trước khi có trụ, trước khi có bạn bè, ngay đó liền gặp “Người chẳng cùng muôn pháp làm bạn”, khỏi phải chạy sang Trung Hoa tìm đến Tây Giang uống cho cạn mới được câu trả lời.

Bởi vậy, người thấu rõ chỗ này, là rõ tất cả cội nguồn Phật pháp. Tất cả bí quyết của tông môn, tất cả sâu kín của Tổ sư đều nằm trong đây, khỏi phải tìm đâu khác.

V. PHẢI LUÔN SỐNG MỚI MỀ TINH KHÔI

Bởi tâm thể này vốn mới mẻ tinh khôi, vì vậy người muốn đạt chỗ này, cũng phải giữ tâm luôn luôn mới mẻ tinh khôi, không có chứa đựng nhiều khái niệm trong đầu, không bám chặt vào một cái khuôn định sẵn khiến tâm cùn lụt, chết cứng.

Hãy xem, xưa kia Ngài Đại Mai - Pháp Thường đến hỏi Mã Tổ:

- Thế nào là Phật?

Mã Tổ đáp:

- Tức tâm tức Phật. (Phật tức là tâm, tâm tức là Phật)

Sư liền tỏ ngộ, về núi Đại Mai sống an ổn vững vàng, không còn ai dối gạt được. Trái lại, hiện giờ chúng ta đã nghe câu này không biết bao nhiêu lần, tại sao không ngộ? Chính vì bị cái KHÁI NIỆM in sẵn trong đầu này. Vừa nghe nói đến, trong đầu liền bảo ngay: “Tôi hiểu rồi”, thì đâu có cơ hội để tỏ ngộ! Sự thật thì nó có thực hiểu đâu. Hiểu đó, là Hiểu qua cái Hiểu của người xưa, Hiểu của khái niệm cũ mòn, chết cứng thôi. Chính đó là nghe với một cái tâm đã chết của quá khứ, chớ vội hài lòng!

Nếu người còn chưa tin, hãy nghe vị tăng hỏi Điều Ngự Giác Hoàng:

- Thế nào là một việc hướng thượng?

Điều Ngự đáp:

- Đầu gậy khêu nhật nguyệt.

Tăng thưa:

- Dùng công án cũ của người xưa làm gì?

Điều Ngự đáp:

- Mỗi lần nhắc lại, mỗi lần mới.

Người học đạo chớ bắt chước theo ông tăng này! Tin tức việc lớn ấy vẫn luôn có sẵn bên mình, nhưng nếu chúng ta chỉ nghe với tâm có chứa khái niệm trong đầu, thì chỉ nghe với cái khuôn cũ kỹ, nghe với cái nhớ về quá khứ đã chết, không đối diện được cái đang hiện hữu sáng ngời! Chỉ nhớ có “đầu gậy”, nhớ có “nhật nguyệt”, thì đó chỉ là danh từ rỗng thôi, làm sao đạt được “ý sống” trong ấy? Đầu gậy làm sao với tới nhật nguyệt mà khêu? Rõ ràng ý này đã vượt ngoài lời nói rồi, còn đâu để nói mới cũ?

Nếu người thực sự nghe với TÂM TRỐNG RÕNG, HOÀN TOÀN MỚI MẸ TINH KHÔI, sạch mọi khái niệm đóng khuôn trong đầu, thì bảo đảm nghe gì cũng mới mẻ, cũng sáng ngời, sẽ nghe được những điều bất ngờ! Cho nên Điều Ngự bảo: “Mỗi lần nhắc lại mỗi lần mới”. Nhắc lại là đang đối diện trực tiếp với chính ông đây, tâm tâm đang trực tiếp với nhau đây, đâu phải nói với người xưa mà bảo cũ! Còn ông, ông chỉ nghe với mớ khái niệm cũ mòn in trong đầu nên thấy là cũ. Như vậy, kết luận cho chính xác, là lời nói cũ hay chính tâm ông cũ? Người học đạo cần nghiệm kỹ chỗ này!

Chúng ta hãy nghe chuyện Huyền Tắc với Ngài Pháp Nhãn. Huyền Tắc ở trong hội Ngài Pháp Nhãn mà chưa từng thưa hỏi. Một hôm Pháp Nhãn hỏi:

- Giám viện Tắc sao chẳng vào thất thưa hỏi?

Tắc thưa:

- Hòa thượng đâu không biết con ở chỗ Thanh Phong đã có chỗ thâm nhập.

Pháp Nhãn hỏi:

- Ông thử thuật lại cho ta nghe!

Tắc thưa:

Con hỏi Hòa thượng Thanh Phong: “Thế nào là Phật? (Có bản ghi: Thế nào là tự kỷ của con?)” Hòa thượng đáp: - Đồng tử Bính Đinh đến xin lửa.

Pháp Nhãn bảo:

- Lời khéo, nhưng ngại ông hiểu lầm nên nói lại xem.

Tắc thưa:

- Bính Đinh thuộc lửa, đem lửa đi xin lửa, như con là Phật lại đi tìm Phật.

Pháp Nhãn bảo:

- Giám viện quả nhiên lầm rồi.

Tắc nổi giận, quấy hành lý bỏ đi. Pháp Nhãn nói:

- Người này nếu trở lại còn có thể cứu, nếu không trở lại thì không thể cứu.

Tắc đi giữa đường, nghĩ lại: “Hòa thượng là bậc thiện tri thức của năm trăm người, há lại gạt ta sao?”, bèn trở lại tham vấn tiếp. Pháp Nhãn bảo:

- Ông hỏi ta đi, ta sẽ đáp cho.

Tắc hỏi:

- Thế nào là Phật?

Pháp Nhãn đáp:

- Đồng tử Bính Đinh đến xin lửa.

Tắc liền đại ngộ.

Nghiệm kỹ trong đây chúng ta sẽ thấy nhiều điều mới mẻ. Tại sao, cũng một câu nói đó mà lần trước Huyền Tắc nói thì chưa phải ngộ; lần sau Pháp Nhãn cũng lập lại thì thành thật ngộ? Chỗ này đem khái niệm trong đầu để hiểu, có thể hiểu được chăng? Bởi, chính lần đầu Huyền Tắc đáp là đáp theo cái hiểu của khái niệm, của lối mòn suy nghĩ thuộc tình thức, tự cho là hiểu mà thật là cái hiểu bất chước, lập lại. Lần sau, Pháp Nhãn đáp, là đáp trong chỗ bất ngờ, Huyền Tắc không kịp suy nghĩ trước, tính toán trước, tức là đang đối diện trực tiếp với nhau, nên ngộ là thật ngộ! Chỗ này người đứng bên ngoài không thể suy tư đến được.

Do đó, người học đạo chúng ta phải tâm luôn luôn mới mẻ tinh khôi như vậy mà ứng dụng, mà nghe, mà học đạo thì lúc nào cũng sáng ngời vi diệu, lúc nào cũng nghe được những điều chưa từng nghe.

Hãy nhớ kỹ! Cũng câu kinh Kim Cang: “Ứng vô sở trụ nhi sanh kỳ tâm” mà Lục Tổ nghe qua liền ngộ, Vua Trần Thái Tông đọc đến liền tỉnh, còn chúng ta nghe hoài sao vẫn không ngộ? Lỗi tại đâu? Tại câu kinh quá cũ hay tại cái gì?

Rõ ràng tại vì chúng ta bị cái hiểu quá nhiều, quá in đậm trong đầu, nên nghe đó chỉ là nghe với bóng dáng quá khứ của chữ nghĩa chứa đầy, làm sao trực tiếp thẳng vào tâm thể được?

Vậy, ngay đây người học hãy buông sạch mọi khái niệm chứa đựng trong đầu, mọi cái hiểu của quá khứ, để tâm nguyên vẹn mới mẻ tinh khôi như nó là nó mà xem: cái gì đang đọc những dòng chữ này?

VI. TÓM KẾT

Lâu nay chúng ta đã sống quá nhiều với những khái niệm chứa đầy ắp trong đầu, giờ đây muốn học đạo để nghe những điều chưa nghe, thì phải can đảm để tâm trống rỗng mới mẻ tinh khôi mà học, mà nghe, đó là con đường sống dậy của chính mình.

Chính ngay đó là nguồn sống vô biên chúng ta cần trở về, chư Phật, chư Tổ có sẵn trong ấy khỏi tìm đâu khác. Kia, bài Chứng Đạo Ca của Thiền sư Huyền Giác vừa mở đầu, Sư đã nhấn mạnh: ANH THẤY CHĂNG? (Quân bất kiến). Người học thường hay bỏ qua chỗ này, không ngờ chính đây là yếu chỉ của toàn bài Ca. Yếu chỉ ở đâu?

Đây này! Chưa nói gì mà bảo: “Anh thấy chăng?” là thấy cái gì? Rõ ràng ngầm chỉ Tổ sư luôn có mặt, cái ấy sờ sờ sẵn đó. Bởi đây là KHÚC CA CHỨNG ĐẠO, tức nói lên chỗ chứng, chỗ sống của Thiền sư Huyền Giác. Với chỗ sống đó thì lúc nào nó cũng sẵn sàng hiện tiền, chưa nói ra, chưa mở miệng, nhưng nó vẫn sờ sờ có đủ đó rồi! Tức nó mới mẻ tinh khôi, nguyên vẹn chưa có khái niệm gì chen vào. Vì vậy, chưa nói ra mà hỏi người: “Thấy chăng?” Nếu người lanh lợi, ngay đó nhận ra liền thì đâu còn bị những lời lẽ phía sau lừa nữa. Bao nhiêu lời lẽ của cả một bài ca chỉ là giải thích lại chỗ này thôi.

Và bài Bảo Cảnh Tam Muội, mở đầu liền bảo:

Pháp ấy như vậy,
Phật Tổ thâm trao.
Nay ông được đó,

Nên khéo giữ gìn (Như thị chi pháp, Phật Tổ mật phó, Nhữ kim đắc chi, Nghi thiện bảo hộ.)

Vừa mở lời liền nói: “Pháp ấy như vậy,” mà không nói là pháp gì, vì nó đã sẵn như vậy rồi, khỏi thêm khái niệm nữa. Chính đó là chỗ Phật Phật, Tổ Tổ thâm trao, thâm truyền. Nói thâm trao, tức lời nói không thể nói đến được, người nhận phải khéo thâm nhận thôi: Thâm nhận trước khi nói. Đã thâm nhận rõ rồi, phải khéo giữ gìn, khéo sống, không để tâm chia chẻ, lựa chọn chen vào liền tự khuấy lấp ngay! Chỗ này còn có thể nói mới, nói cũ nữa sao?

Để kết thúc ý nghĩa này, xin dẫn đoạn nhân duyên Thiên sư Thạch Thê hỏi thị giả:

- Ông đi đâu?

Thị giả thưa:

- Con đi lên trai đường.

Sư bảo:

- Ta đâu không biết ông đi lên trai đường?

Thị giả thưa:

- Trừ ngoài việc này, riêng nói cái gì?

Sư bảo:

- Ta chỉ hỏi việc bồn phận của ông?

Thị giả thưa:

- Nếu hỏi việc bồn phận, con thật đi lên trai đường.

Sư bảo:

- Ông quả thật là thị giả của ta!

Thiên sư Thạch Thê muốn gạt lại chỗ sống hiện tiền của ông thị giả thế nào. Nếu là người khác hẳn bị Ngài Thạch Thê lừa ra khỏi việc ấy rồi. Hỏi đi đâu, nếu theo cái đi đó mà đáp, quên mất chính mình đang hiện hữu là nguy! Thị giả quả đang sống trong ấy nên sáng tỏ rõ ràng không lầm. Đáp đi lên trai đường, là chính thật mình đang hiện hữu trong đó. Hỏi việc bồn phận, thì cũng chính ngay đây “đang đi lên trai đường là đi lên trai đường,” rõ ràng sáng tỏ không thêm gì khác. Trong đây vừa có xen vào bất cứ ý niệm nào nữa là khuấy lấp chính mình, là quên mất việc bồn phận ngay. Tâm thể tinh khôi chính đã đầy đủ trong ấy rồi!

Như vậy xác quyết rõ ràng là: Ai ai cũng đều có một “tâm thể nguyên vẹn tinh khôi từ thuở nào”. Hãy buông hết mọi khái niệm cũ mòn trong đầu, sống lại ngay chỗ này, chính đó là sinh mạng vĩnh viễn, khỏi tìm kiếm gì khác nữa!



THIÊN CON ĐƯỜNG KHAI PHÓNG TÂM LINH



Chu Kim Cang Đốt Thanh long số sao

I. MỞ MẮT TUỆ THẤY ĐÚNG NHƯ THẬT: TA LÀ GÌ?

Con người lâu nay bị đóng khung trong sự lầm lẫn bởi cái TA ảo tưởng, nên chỗ thấy biết luôn bị đóng kín trong ấy. Thiên, giúp người mở sáng mắt tuệ, thấy đúng như thật “Ta là gì?” để cởi mở tình chấp sai lầm ấy, chính đây là điểm then chốt của Thiên. Chưa thấu rõ được chỗ này, dù người tu hành cao siêu đến đâu vẫn bị đóng khung trong chỗ thấy biết lầm lẫn. Thử hỏi, chúng ta đang sống đây, là Ai sống? Chính TA là chủ của cuộc sống, nhưng hỏi: “TA là gì?” để trả lời cho chính xác chăng? Bảo cái thân mấy chục kí-lô này là Ta ư? Lầm to rồi! Hiện nay người ta có thể thay tim, thay thận, truyền máu v.v..., khi đó gọi là tim ta, thận ta, máu ta được sao? Rõ ràng thân này như một cái máy, nên có thể thay những bộ phận trong đó. Hoặc tay, chân này khi bị tai nạn, bác sĩ cưa bỏ, quăng ra ngoài thì gọi đó là gì? Ta là cái bị quăng đó sao? Chửi nó, nó có giận được chăng?

Đây là một lẽ thật rất rõ ràng, chúng ta phải thấy đúng như thật nó là nó, mới gọi đó là trí tuệ. Trái lại, nếu cứ một bề đóng khung trong cái xác máu mủ này, bám chặt vào tướng mập ốm, đen trắng đây mà nhận càn cho là TA, đó là mê lầm, là điên đảo. Danh từ điên đảo nhà Phật dùng rất chính xác, tức chỉ cho cái thấy lộn ngược, nhìn đảo lộn sự thật. Đó là một sự sống đóng khung trong ảo tưởng lầm lẫn của người trên thế gian này.

Tiến đến, về TÂM, chúng ta cũng đang sống đóng khung trong cái Ngã tưởng, tưởng có một cái TA đi theo trong mọi sự thấy biết, cho nên chúng ta nhìn sự vật cũng luôn luôn méo mó theo cái KHUÔN mang nhãn hiệu cái TA ấy. Cùng là một con suối, người thì thấy đẹp, người thì thấy xấu, tại vì sao? Vì trong đầu của mỗi người có chứa sẵn một cái khuôn của quá khứ. Khi thấy con suối liền lôi cái khuôn đó ra để đo. Nếu nó không bằng cái khuôn đó thì cho là xấu. Nếu nó hơn cái khuôn đó thì cho là đẹp. Nhưng suối vẫn là suối thôi, nó không tự nói đẹp,

nói xấu gì. Đó là chúng ta nhìn con suối qua lăng kính của một cái TA, rất nguy hiểm!

Với cái khuôn đó, dù một chân lý rất hay, rất xác thật nhưng lại do người mình không ưa, người đối nghịch với mình nói ra thì sao? Hẳn mình sẽ bịt tai không muốn nghe, hoặc nghe bằng sự khinh rẻ! Như vậy, tại vì cái lý ấy vốn không đúng hay vì mình đã có thành kiến trong đầu rồi? Cho thấy, chúng ta thường nhìn tất cả với cái khuôn sẵn trong đầu ấy, cái gì trái với cái khuôn ấy là sai, là dở! Quả tang là chúng ta đang sống đóng khung trong cái TA nhỏ hẹp, do đó không thể thấy được chân lý.

Với tinh thần của nhà thiền, không thể chấp nhận kiểu thấy như thế. Bởi vì, chân lý mà còn có chia ra chân lý của tôi, chân lý của anh, chân lý của chị, thì không phải là chân lý toàn vẹn rồi, nếu có thì chỉ là chân lý góc cạnh thôi. Nếu chúng ta cứ nhìn sự vật với một cái TA đóng khung như thế, hẳn là luôn quay lưng với chân lý. Như chuyện Triệu Châu véo bà Ni.

Có bà Ni đến hỏi Hòa thượng Triệu Châu:

- Thế nào là ý sâu kín?

Sư lấy tay véo bà.

Bà nói:

- Hòa thượng còn có cái ấy sao?

Sư bảo:

- Chính ngươi còn có cái ấy.

Bà Ni hỏi ý sâu kín, là chỗ ngôn ngữ không thể nói tới được. Triệu Châu véo bà, ngay đó nếu tâm rỗng rang chưa có cái khuôn gì, tức thâm cảm nhận ý sâu kín đó rồi! Chỗ đó, ngôn ngữ làm sao nói đến được? Đáng tiếc thay! Bà Ni theo cái khuôn suy nghĩ của thường tình thế tục, nghĩ tưởng Sư có tình ý gì, bèn thành tâm vấn đực nghĩ bậy, do đó mờ mắt ánh sáng chân thật kia! Vì vậy, Triệu Châu bảo: “Chính ngươi còn có cái ấy”. Đây là một kinh nghiệm cho người học Thiền. Học thiền hay đến với thiền bằng cái TÂM chứa sẵn cái khuôn chết cứng trong đầu thì không bao giờ thấu hiểu được thiền; trái lại còn xuyên tạc thiền là khác. Chẳng hạn như câu chuyện của Ngài Triệu Châu với bà Ni trên đây, nếu người mang tâm niệm nam nữ trong đầu, khi nghe đến đó liền phê phán Thiền sư quá thô tục. Không ngờ, chính Thiền sư thô tục hay tâm mình đang nghĩ thô tục? Đây là điểm cần thấu rõ!

II. DÁM NHÌN THẮNG SỰ THẬT

Vì thiền là mở sáng lẽ thật cho người thấy, nên người học thiền cũng phải nhìn thẳng sự thật, mới thấy được lẽ thật, mới thoát ra sự mê lầm. Từ vô lượng kiếp đến nay, chúng ta vì sống trái lẽ thật nên đi mãi trong sanh tử khổ đau. Thân giả hợp, không phải thật ta, lại chấp cứng là ta, rồi nhốt mình trong cái ta tưởng tượng đó mà tạo thành muôn ngàn tội lỗi! Bao nhiêu phiền não tham sân, vui buồn, đấu tranh chết chóc hại nhau cũng vì cái TA ảo tưởng này.

Người giác ngộ, phải nhìn thẳng vào bản chất thật của nó, nó vô thường tạm bợ, nó như chớp không phải ta, thấy đúng như thật nó là vô thường tạm bợ, là như chớp không phải ta. Thế gian thường chúc nhau sống lâu trăm tuổi, là đã nói

lên điều gì? Nếu thế gian thực là hạnh phúc, thân này thực là bền bỉ sống lâu rồi thì đâu cần chúc làm gì cho thừa? Bởi bản chất nó là không bền, là không hoàn toàn hạnh phúc như ý, cho nên mới chúc, tức hy vọng được như vậy! Rồi thường ngày mọi người dùng xà bông thơm, dầu thơm là để làm gì? Nếu bản chất nó thật thơm sạch rồi, cần dùng những thứ đó làm chi? Muốn mở mắt thật, phải sẵn sàng nhìn thẳng **lẽ thật như thế**.

Song với người nghiên cứu Phật pháp một chiều, nghe nói thế bèn cho là đạo Phật bi quan yếm thế, nói như vậy khiến cho người yếu đuối không muốn làm gì, trở thành lạc hậu không tiến tới được. Trái lại, phải dùng những danh từ hoa mỹ để tô vẽ lên đó, như thân ngọc ngà, như tuổi xuân nên thơ v.v... khiến cho người yêu thích, sống vui mới đúng. Đâu biết rằng, chính đó là trốn tránh sự thật, sống theo ảo tưởng, bỏ qua thực tế.

Có câu chuyện xưa, một ông Vua chỉ thích mặc quần áo mới. Một hôm có hai người lạ đến hoàng cung, tự xưng là thợ dệt giỏi và khoe rằng: họ có thể dệt được một thứ quần áo đặc biệt, khi mặc vào thì những ai không làm tròn bổn phận hoặc ngu xuẩn thì không thể nào nhìn thấy dù người đó đứng sát bên cạnh. Vua nghe nói tự bảo thầm: “Đây chính là bộ quần áo quý nhất. Ta chỉ cần mặc vào là biết ngay trong đám quần thần của ta ai không làm tròn bổn phận. Ta phải may một bộ”.

Hai người thợ dệt kia được lệnh dệt cho Vua bộ quần áo ấy. Họ bày khung cửi rồi ngồi vào làm như dáng đang dệt thật, nhưng vốn trên khung cửi chẳng có gì.

Kế đó, Vua sai quan Thừa tướng, rồi quan Đại thần đến xem. Hai người thợ chỉ vào tấm vải tưởng tượng và chứng minh cho vị quan Đại thần đây là tấm vải đặc biệt không đâu khác có được. Quan đại thần tự nhủ: “Mình đâu phải là người ngu hay là mình không làm tròn bổn phận mà không thấy gì hết. Dầu sao cứ giấu đi là hơn cả”. Rồi ông cũng giả vờ ngắm nghía và khen hết lời.

Tới khi Vua đến xem, cũng đồng tâm trạng như trên, cũng hết lời khen ngợi, không dám nhận sự thật là không có gì. Đến ngày dệt xong, mặc quần áo mới, Vua cởi quần áo đang mặc ra, hai người làm ra vẻ khoác vào người ông Vua từng cái quần, cái áo, các quan thị vệ có nhiệm vụ đỡ đuôi áo, thò tay sát đất giả vờ như cầm vật gì đó, nhưng chẳng dám nói là mình không thấy cái gì, vì sợ nói ra thành mình bị lộ là không làm tròn bổn phận hoặc ngu xuẩn.

Cuối cùng Vua được các quan hộ tống dạo ra ngoài phố. Mọi người cũng đều trầm trồ khen ngợi, vì không ai muốn mình mang tiếng là ngu xuẩn hoặc không làm tròn bổn phận.

Bất ngờ có một đứa bé nhìn thấy, chột kêu to:

- Kìa! Hoàng đế đang cởi truồng kìa!

Và đúng lúc đó, đức Vua truyền lệnh hồi cung, rèm ngọc được buông xuống kín mít.

Đây là một câu chuyện xưa của thế gian nhưng có mang ý thiên trong đó. Bao nhiêu người tự cho mình là hiểu biết, nhưng cùng bị một cái khuôn trong đầu che mắt sự thật. Trong khi đó, thằng bé ngây thơ, đầu óc trong trắng không bị cái

khuôn gì đóng cứng nên thấy sao liền nói vậy rất tự nhiên. Nó đâu có sợ nói như thế là ngu, là không tròn trách nhiệm!

Cũng vậy, với con mắt trí tuệ, trước tiên chúng ta thấy rõ như thật về thân tâm hư dối này để không làm với nó, không bị cái khuôn của thế gian hằng thấy bấy lâu nay lừa gạt. Lộ trần mọi khái niệm về ta từ ngàn xưa để lại, trả lại cái thấy trong trắng đúng như thật về ta này. Song thiền lại không dừng ở đó, mà tiếp sau chỉ ra trong cái giả này có cái thật hằng hữu, là chỗ sống vững vàng của mình. Cho nên tôn chỉ trong đây là : “Giả biết giả, thật biết thật, sống cái thật không làm cái giả, đó là cuộc sống có giá trị tinh thần”.

Tổ Thương Na Hòa Tu, một hôm hỏi Ưu Ba Cúc Đa:

- Ông bao nhiêu tuổi?

Ưu Ba Cúc Đa thưa:

- Dạ, con mười bảy tuổi.

Tổ hỏi:

- Thân ông mười bảy tuổi hay tánh ông mười bảy tuổi?

Cúc Đa thưa:

- Hiện tại đầu Hòa thượng bạc, là tóc Hòa thượng bạc hay tâm Hòa thượng bạc?

Tổ bảo:

- Tóc ta bạc không phải tâm ta bạc.

Cúc Đa thưa:

- Cũng vậy, thân con mười bảy tuổi, không phải tánh con mười bảy tuổi.

Tổ thâm nhận đây là bậc pháp khí.

Trong đây, Tổ Thương Na Hòa Tu muốn gạn xem chỗ thấy của Ưu Ba Cúc Đa thế nào? Ngài Ưu Ba Cúc Đa đã thấy thấu qua thân tướng vô thường sanh diệt này, trong đó có thân chân thật bất diệt, không thuộc tuổi tác già trẻ, lớn nhỏ. Nghĩa là, ngay trong vô thường có cái chân thật hằng hữu. Cho nên người tu phải ở trong vô thường mà vược lên, mà giác ngộ để làm chủ trở lại trong cuộc vô thường này, chớ không thể chấp nhận buông xuôi theo đó như bao nhiêu người. Như vậy là một sức mạnh tiến tới, sao bảo là bi quan, yếu đuối được?

Và bài kệ của Thiền sư Mãn Giác dạy chúng khi sắp tịch đã nói:

Xuân khứ bách hoa lạc,

Xuân đáo bách hoa khai.

Sự trục nhân tiên quá,

Lão tùng đầu thượng lai.

Mạc vị xuân tàn hoa lạc tận,

Đình tiền tạc dạ nhất chi mai.

Nghĩa:

Xuân đi trăm hoa rụng,

Xuân đến trăm hoa cười.

Việc đời qua trước mắt,
Trên đầu già đến rồi.
Chớ bảo xuân tàn hoa rụng hết,
Đêm qua sân trước một cành mai.

Thông thường theo thứ tự phải nói xuân đến rồi xuân đi, nhưng trong đây Thiền sư Mãn Giác nói ngược lại xuân đi rồi xuân đến, là có ý nghĩa gì? Đây là điểm đặc biệt mà ít ai để ý! Bởi vì lúc này là lúc Sư sắp tịch mà nói ra để nhắc nhở chúng. Xuân đi thì hoa rụng, như Sư sắp tịch thì thân này hoại. Rồi xuân đến thì trăm hoa nở, ngầm ý chỉ, cũng không hẳn hoại mất hoàn toàn, chớ vội buồn khổ. Tuy nhiên nếu ở trên tướng nở, tướng rụng đó mà thấy Sư, thì quyết không thể thấy được Sư; vì đó là tướng vô thường sanh diệt.

Hoa rụng, hoa nở là chỉ cho cảnh vô thường, rụng nở theo thời gian biến đổi.

Tiếp đến hai câu kệ, là chỉ cho con người vô thường. Sự sống này, cả người và cảnh đều là vô thường, không phải chỗ nương tựa dừng ở lâu dài! Tuy vậy, nếu thế gian chỉ có bấy nhiêu đó thôi, thì tu hành để làm gì? Tu cho khổ nhọc rồi cũng chết như ai, thì tu có ý nghĩa gì?

Cho nên Sư bảo tiếp:

“Chớ bảo xuân tàn hoa rụng hết,
Đêm qua sân trước một cành mai.”

Tại sao không nói đóa mai vàng hay một chùm hoa mai vàng rực, mà chỉ nói một cành mai? Cành mai thì có gì đẹp? Vì hoa, rồi nó cũng rụng nữa, nhưng cành mai thì vẫn còn đó, gặp thời tiết đến thì vẫn nở hoa.

Cũng vậy, thân này của Sư có tịch, có mất, nhưng trong đó có cái không mất, đủ duyên sẽ hiện ra nơi khác. Đừng lo khóc theo cái có rụng, có nở; cái có tươi, có tàn. Như vậy là một sức sống vươn lên, một niềm tin vững tiến để thoát khỏi cái khung hư giả nhốt mình từ bao thuở, làm sao bảo là bị quan yếm thế, là làm cho con người yếu đuối? Chính đây là một trí tuệ vượt thế gian, nếu dùng tâm suy nghĩ lăng xăng trong cái khuôn ngã tướng này, làm sao thấu được?

III. THIỀN ĐÁNH THỨC SỨC SỐNG CHÂN THẬT NƠI MÌNH - HAY MỞ SÁNG MẮT TÂM

Hiện tại chúng ta ai cũng như ai đang sống đây, là luôn sống với cái bị Biết mà quên hẳn sự có mặt của chính mình. Chúng ta Biết cái này, Biết cái nọ, Biết cái kia, Biết đủ thứ nhưng cái gì ĐANG BIẾT, ĐANG HIỆN HỮU lúc đó? Hình như không bao giờ nhớ tới! Mà chính đó mới là NGUỒN SỐNG, không có nó thì thân này thành khúc gỗ rồi. Chỗ làm mê của chúng ta là đó!

Bởi vậy Lục Tổ bảo hai ông tăng đang cãi nhau về gió động và phướn động ở chùa Pháp Tánh rằng: “Tâm các vị động.” Cứ lo cãi nhau về phướn và gió mà quên mất chính cái gì đang “Biết động” đây. Không có nó thì gió và phướn dù có cũng như không, không thành vấn đề. Gió và phướn trước tượng đá có thành động không? Cho nên cứ nhắm trên gió và phướn mà cãi thì cãi mãi không bao giờ ra lẽ.

Thấy ngược lại chỗ này là cùng gặp nhau, thấy phurôn và gió anh cũng có, tôi cũng có, bạn cũng có, còn gì phải cãi?

Hòa thượng Huyền Sa dạy chúng:

- Những bậc lão túc ở các nơi nói là tiếp vật lợi sanh, bỗng gặp người có ba thứ bệnh đến làm sao tiếp? Người bệnh mù thì cầm chùy dựng phát y chẳng thấy. Người bệnh điếc thì ngữ ngôn tam muội y chẳng nghe. Người bệnh câm thì dạy y nói lại nói chẳng được. Phải làm sao tiếp? Nếu tiếp chẳng được người này thì Phật pháp không còn linh nghiệm.

Có vị tăng đem việc này hỏi Vân Môn. Vân Môn bảo:

- Ông lẽ bái đi!

Tăng lễ bái đứng dậy. Vân Môn lấy gậy đưa tới trước, tăng liền lùi lại. Vân Môn bảo:

- Ông chẳng phải bệnh mù.

Vân Môn gọi:

- Lại gần đây!

Tăng đến gần, Vân Môn bảo:

- Ông chẳng phải bệnh điếc.

Vân Môn dựng cây gậy lên hỏi:

- Khế hội chẳng?

Tăng thưa:

- Chẳng khế hội.

Vân Môn bảo:

- Ông chẳng phải bệnh câm.

Vị tăng liền tỉnh ngộ.

Bảo lẽ bái, biết lẽ bái; lấy cây gậy chặn ngay trước, biết lùi lại tránh; bảo đến gần, biết đến gần; hỏi hội chẳng, biết trả lời chẳng hội, thì ngay đó có thiếu thốn chút gì còn chưa tỉnh ngộ? Không phải là chẳng bệnh mù mà thành bệnh mù, chẳng bệnh điếc, bệnh câm mà thành bệnh điếc, bệnh câm hay sao? Quả tang là theo cái “bị biết” mà quên mất chính mình đang hiện hữu! Tỉnh lại, liền đó mở mắt tâm thấy suốt cái làm xưa nay. Mê ngộ chỉ trong chớp mắt, sao còn chưa tỉnh?

Trần Tôn Túc hỏi vị tăng mới đến:

- Ông ở đâu đến?

Tăng thưa:

- Ở Ngưỡng Sơn đến.

Sư bảo:

- Ông nói láo.

Ông tăng nói láo ở chỗ nào? Quả thật ông từ Ngưỡng Sơn đến và trả lời thật thà, sao bảo nói láo? Đây là thuật khai thị khéo léo của Thiền sư. Ông đang đứng đối diện hỏi đáp đây, lại nhớ về quá khứ hôm nào ở Ngưỡng Sơn, không phải nói láo hay sao? Nếu ông tăng ngay đó liền mở sáng mắt tâm, vượt ngoài cái khuôn ba thời: Ánh sáng thực tại nhiệm màu chính là đây!

Và công án nổi tiếng trà Triệu Châu. Sư hỏi vị tăng mới đến:

- Từng đến đây chẳng?

Tăng thừa:

- Đã từng đến.

Sư bảo:

- Uống trà đi!

Sư hỏi vị tăng khác:

- Từng đến đây chăng?

Tăng thừa:

- Chưa từng đến.

Sư cũng bảo:

- Uống trà đi!

Sau, Viện chủ hỏi Sư:

- Vì sao từng đến dạy uống trà đi, chưa từng đến cũng dạy uống trà đi?

Sư gọi:

- Viện chủ!

Viện chủ đáp:

- Dạ!

Sư liền bảo:

- Uống trà đi!

Tại sao từng đến cũng bảo uống trà, chưa từng đến cũng bảo uống trà? Đây là Ngài Triệu Châu đánh thức ánh sáng thực tại đang hiện hữu nơi người đó! Chính ông đang đứng đối diện với ta rõ ràng đây, mà bảo chưa từng đến thì còn phải nói gì nữa? Thôi thì hãy uống trà đi là xong.

Còn ông kia, đã từng đến rồi, thì còn muốn hỏi thêm gì nữa? Muốn hỏi thêm là đánh mất cái đang hiện hữu đây rồi, nên cũng uống trà đi! Khỏi nói nhiều.

Đến ông Viện chủ tự mình có thiếu gì đâu, lại xen vào chuyện đến, chưa đến của người làm gì mà bỏ mất chính mình ngay lúc đó đi! Vì vậy cũng: uống trà đi, là xong. Quả là Thiền sư đánh thức sức sống hiện hữu nơi mình một cách khéo léo, chỉ mình chưa chịu tỉnh lại! Nếu ai còn hỏi lại thì cứ: uống trà đi, là xong tất cả.

IV. VƯỢT QUA MỌI KHÁI NIỆM

Chính đây là chỗ sống của thiền không ai có thể bắt chước được. Dù người lanh lợi, nghe hiểu nhanh chóng, nhưng đó cũng là hiểu về thiền, chưa phải chính bản thân thiền. Nếu chỉ hài lòng trên cái hiểu đó, thì cũng đứng ngoài cửa dòm chơi vậy thôi. Bởi vì, mọi ngôn ngữ, chữ nghĩa đều là cái khuôn chết, thiền giả không thể chấp nhận chết trên đó. Hòa thượng Triệu Châu từng bảo: “Một chữ PHẬT tôi cũng chẳng thích nghe”. Tại sao Sư dám nói như thế? Với tín ngưỡng tôn giáo, tên một đảng giáo chủ của mình mà hàng đệ tử nói như trên là quá phạm thượng. Song với Thiền sư thì trọng lẽ thực hơn. Bởi Sư muốn đưa người thẳng vào sức sống thật, phải thực thấy: cái gì là Phật? Phật đâu phải ở cái chữ đó! Trong khi ấy, chúng ta cứ bám vào CHỮ đó rồi cãi vã nhau, đấu tranh nhau thì mất nghĩa Phật rồi!

Vượt qua khái niệm chữ nghĩa, cảm nghiệm ngay trong tâm mình, đó là Phật sống. Cho nên, nói Phật, nói Thánh không quan trọng, quan trọng là có cảm nghiệm được sức sống chân thật kia hay không!

Cũng như hiện nay chúng ta lo bàn cãi nhau về thực tại có hay không có? Hoặc suy luận thực tại thế này, thế nọ, là có đối diện thực tại chăng? Rõ ràng đó chỉ là sống trong khái niệm với nhau thôi. Như có người hỏi về người anh của mình. Mình diễn tả anh ấy giống tôi thế này, thế nọ thì lúc đó có mặt người anh ấy chăng? Nếu lúc đó có mặt người anh ấy, chúng ta chỉ cần trở ngay anh bảo: - Đây! Là xong.

Cho nên, chúng ta còn lo cãi lý với nhau về thực tại, là chưa giáp mặt thực tại. Cũng vậy, còn lo cãi nhau về chân lý, là chưa giáp mặt chân lý. Hãy xem Lâm Tế khi đại ngộ, Ngài Đại Ngu bảo: “Ông thấy gì nói mau!”, Sư liền thoi vào hông Đại Ngu ba thoi trả lời, không nói thêm lời nào. Ngộ cái gì thì liền đó biết ngay, khỏi diễn tả dài dòng khiến thêm khái niệm.

V. CẦN THỂ NGHIỆM

Cuối cùng, với thiền là phải tự thể nghiệm nơi chính mình thì mới cảm nhận được thiền chân thật, không thể suy luận mà có thể nhận hiểu. Do đó, với thiền phải là một HÀNH GIẢ, chứ không thể là HỌC GIẢ.

Có câu chuyện: một học giả tông Thiên Thai là Pháp sư Đạo Văn hơn 50 tuổi, từng nghiên cứu giáo nghĩa hơn ba mươi năm. Nghe tiếng Thiền sư Chân Quán trước kia cũng từng nghiên cứu giáo nghĩa này, sau đó tham thiền được sáng đạo, nên Pháp sư Đạo Văn đến thành khẩn thưa với Thiền sư Chân Quán:

- Con đã học qua tư tưởng Pháp Hoa của tông Thiên Thai từ nhỏ, chỉ có một vấn đề trước sau chẳng hiểu rõ.

Thiền sư Chân Quán hỏi:

- Tư tưởng Pháp Hoa của tông Thiên Thai rất rộng lớn sâu xa, viên dung vô ngại nên bao gồm rất nhiều vấn đề, thế mà ông chỉ có một vấn đề chẳng hiểu, chẳng biết là vấn đề gì?

Đạo Văn thưa:

- Kinh Pháp Hoa nói: “Tinh với vô tinh đồng tròn chùng trí”, ý này chính là nhận cỏ cây, hoa lá đều hay thành Phật, xin hỏi: Cỏ hoa thật có khả năng thành Phật chăng?

Chân Quán liền bảo:

- Ba mươi năm nay ông mang một niệm cây cối, cỏ hoa có khả năng thành Phật hay không, đối với ông có lợi ích gì? Ông nên quan tâm đến “tự chính mình thế nào thành Phật”, cần xét nghĩ như thế mới đúng!

Đạo Văn nghe nói, ngạc nhiên hỏi:

- Con thật không có nghĩ đến như thế, vậy xin hỏi: tự chính mình của con thế nào thành Phật?

Chân Quán bảo:

- Ông đã nói là “chỉ có một vấn đề hỏi ta”, liền quan đến vấn đề thứ hai thì chính ông tự mình đã giải quyết xong rồi.

Xem đây! Người cứ lo thắc mắc cỏ cây thành Phật, lo tìm hiểu đầu đầu, trong khi đó, việc cấp thiết là: “chính mình thế nào thành Phật?” mới là quan trọng, lại bỏ qua! Song muốn rõ việc này phải làm sao? Hẳn là phải tự mình giải quyết thôi, không thể nhờ ai giải quyết dùm cho được!

Có vị tín đồ hỏi Hòa thượng Triệu Châu:

- Tham thiền thế nào mới hay ngộ đạo?

Sư liền đứng dậy khỏi tòa nói:

- Ta cần đi tiểu một chút.

Sư đi mấy bước, quay đầu lại bảo:

- Ông hãy xem đó! Việc nhỏ như đi tiểu thế ấy, ta cũng phải tự đi, người khác không thể thay thế.

Đây là ngầm chỉ, Thiền vốn phải tự chứng nghiệm chân thật bằng sức sống ngay chính mình, không thể nói suông ở trên ngôn ngữ mà có được. Không ai có thể đem đến giác ngộ cho mình nếu mình không tự giác. Nếu từ người khác mà được, thì đó là cái của người, không phải phần của chính mình. Đã là của người thì có lúc phải trả lại cho người, đâu thể là chỗ sống lâu dài. Do đó phải tự mình cảm nghiệm mới có đầy đủ sức sống nhiệm mầu không thể nghĩ bàn. Phật pháp sống mãi ở thế gian cũng chính từ đây. Nghĩa là, còn có người thể nghiệm Phật pháp, là ánh sáng Phật pháp vẫn còn có mặt trên thế gian này.

VI. TÓM KẾT

Thiền là một sức sống chân thật ngay tự tâm của mỗi người, không có ở đâu khác. Vì vậy, ai có tâm đều có Thiền, không phân biệt nam nữ, màu da, tôn giáo v.v... Đây là một chân lý bình đẳng thật sự, không do ai đặt ra.

Chính vì Thiền ở ngay nơi tâm, nên muốn đạt Thiền là phải tự thể nghiệm lấy, không thể tìm trong sách vở, lý luận. Có cảm nghiệm lẽ thật này, mới vượt qua ranh giới ngôn ngữ lý luận, có một cái nhìn cởi mở, cảm thông với tất cả. Vì ai ai cũng có Thiền. Mở mắt này thì tâm linh sáng ngời, hết còn đóng khung trong khái niệm chết. Từ đó nhìn ra, thấy đâu đâu cũng có ánh sáng thiền. Trong kinh hay ngoài cảnh, hoặc trong cuộc sống hằng ngày cũng đều không thiếu ánh sáng ấy. Cả đến một việc tầm thường cũng được chiếu sáng ngời trong đó. Như bài ca dao Thăng Bờm chúng ta thường biết:

Thăng bờm có cái quạt mo,
Phú ông xin đổi ba bò chín trâu.
Bờm rằng Bờm chẳng lấy trâu,
Phú ông xin đổi ao sâu cá mè.
Bờm rằng Bờm chẳng lấy mè,
Phú ông xin đổi một bè gỗ lim.
Bờm rằng Bờm chẳng lấy lim,
Phú ông xin đổi con chim đôi môi.
Bờm rằng Bờm chẳng lấy môi,
Phú ông xin đổi nắm xôi, Bờm cười!

Nếu nhìn với cái khuôn khái niệm xưa nay thì đó là bài ca dao trong văn học thôi. Nhưng nếu nhìn với con mắt thiền, thì trong đó có ánh sáng thiền thực tại sáng ngời.

Hãy xem thằng Bờm ngay đây đang đói bụng, có nắm xôi ăn là xong, rất là Thiền! Nếu nó ngồi đó mà đợi ba bò, chín trâu v.v..., thì chẳng những không được gì mà còn mất luôn cái quạt mo. Bởi Phú ông đâu dại khờ gì đòi cái quạt mo với ba bò, chín trâu? Đó là ông gạt thôi. Cũng vậy, chúng ta ngồi đây mà mơ tưởng xa vời, lý luận đâu đâu, là đánh mất ánh sáng thực tại hiện hữu. Chỉ là, buông mọi khái niệm chết trong đầu, sống ngay thực tại nhiệm mầu đây, khỏi thêm bớt gì nữa! Thiền là như thế, vượt ngoài mọi cái khuôn sẵn có, thênh thang không ngăn mé. Con đường khai phóng tâm linh là đây!



MÙA XUÂN MIÊN VIỄN



Hoà thượng Chuyết Công chùa Phật Tích – Bắc Ninh

I. THẾ GIAN KẾT TRONG THỜI GIAN VÔ THƯỜNG

Nói mùa xuân miên viễn là muốn gợi lại một cái gì mà người người đang bỏ quên. Bởi người thế gian luôn sống trong tâm vô thường, nên thấy nhìn cái gì cũng theo chiều vô thường và buồn vui theo ngoại cảnh. Chúng ta thường tán tụng xuân về hoa nở, chim ca hát, ca ngợi tuổi xuân đẹp như thơ v.v..., nhưng rồi một lúc xuân cũng đi qua và nhớ lại liền tiếc nuối! Năm mới thì chúc tụng, mừng tuổi, ngờ đâu lên một tuổi là mất một năm, là bớt đi một tuổi thọ, nghĩa là rút ngắn bớt thời gian mình có mặt trên đời.

Thiền sư Thiên Tùng có hai câu thơ nói về xuân:

Kim triêu tận đạo thêm nhất tuế,
Ngô đạo như kim giảm nhất niên.

Nghĩa:

*Sáng nay người bảo thêm một tuổi,
Tôi nói ngày này bớt một năm.*

Lẽ thật là như thế. Bởi con người chúng ta luôn sống trong tưởng tượng quá nhiều hơn sự thật. Bảo xuân về, nhưng xuân ở đâu mà về? Rồi đi đâu? Chỉ là thời tiết đến thì hoa nở, nở xong thì tàn, một dòng trôi chảy liên tục vậy thôi. Chúng ta lại chặn ngang một đoạn, gán cho nó cái tên “mùa xuân” để tạm vui với nhau. Song mùa xuân có đến, có đi, đó là mùa xuân của sự vô thường sinh diệt, nó gạt con mắt phàm vui buồn trong đó; với người hiểu đạo thì đâu thể làm mê!

Với người hiểu đạo, phải thấy cái gì cao siêu hơn, không thể giam mình trong cái tầm thường hư ảo này!

Thượng Sĩ Tuệ Trung có bài kệ nói về: KHUYÊN ĐỜI VÀO ĐẠO:

Tứ tự tuần hoàn xuân phục thu,
Xâm xâm dĩ lão thiếu niên đầu.
Vinh hoa khảng cổ nhất trường mộng,
Tuế nguyệt không hoài vạn học sâu.
Khổ thú luân hồi như chuyển cốc,

Ái hà xuất một đẳng phù âu.
Phùng trường diệc bất mô lai tỷ,
Vô hạn lương duyên chỉ ma hư.

Nghĩa:

Thời tiết xoay vần xuân tới thu,
Tuổi già vùn vụt phủ lên đầu.
Giàu sang nhìn lại một cơn mộng,
Năm tháng ôm sông muôn học sâu.
Nẻo khổ luân hồi vánh xe chuyển,
Sông yêu chìm nổi tợ bọt xao.
Gặp dịp chẳng liền sờ lên mũi,
Thôi thế duyên lành bao thưở nào!

Đây là Thượng Sĩ ân cần nhắc nhở mọi người, chớ đắm mê theo cuộc vô thường của thế gian này, say đắm ở trong đó mà tạo tác lãng xãng, rốt cuộc chỉ ôm khổ, ôm sâu, tay không cũng hoàn tay không. Theo đó, tức là theo hòn bọt nổi mà lên xuống, chìm nổi trong vòng luân hồi, quên mất biển cả thanh thang. Ngay đây đã gặp dịp đánh thức cho mình, phải tỉnh lại, sờ lên mũi xem! Một lẽ thật muôn thưở ngàn đời vẫn hằng sẵn đó mà không chịu nhận, lại nhớ đâu đâu, đuổi theo bắt bóng tìm bọt, cuối cùng trả về cho KHÔNG! Đành bỏ qua duyên lành hy hữu này sao?

Mã Tổ một hôm cùng Hoài Hải đi dạo, thấy bầy vịt trời bay qua, Mã Tổ liền chỉ đó hỏi:

- Đó là cái gì?

Hoài Hải thưa:

- Bầy vịt trời.

Mã Tổ hỏi:

- Bay đi đâu?

Hoài Hải thưa:

- Bay qua.

Mã Tổ bèn nắm mũi Hoài Hải vắn mạnh, đau quá Sư la lên. Mã Tổ bảo:

- Lại nói bay qua đi!

Ngay câu đó, Hoài Hải tỉnh ngộ.

Hoài Hải ban đầu theo thường tình cứ lo nhớ bầy vịt trời, quên mất chính mình đang hiện hữu. Mã Tổ thấy thấu được điểm ấy nên néo mũi đánh thức Sư trở lại. Hoài Hải đau điếng la lên, mới hay lẽ thật từ xưa vẫn sờ sờ đó thôi, chưa từng thiếu vắng bao giờ! Có bay đi đâu? Chớ quên mình theo vật đành chịu lang thang rất đáng thương!

II. XUÂN TRONG TỰ TÁNH

Quả thật, ai ai cũng đều có một quê hương sáng ngời với mùa xuân muôn thưở, chưa từng có đến đi, nở tàn, thay đổi theo thời gian mà đành bỏ quên một cách đáng thương! Thiên sư thấy được lẽ thật ấy nên dùng mọi phương tiện đánh thức chúng ta sống lại chỗ này, chính đó là nguồn sống vĩnh viễn không cùng tận.

Thiên sư Tiên Đổ hiệu Vô Kiến có bài thơ Ở NÚI:

Trang Sanh hữu ý năng tề vật,
Ngã dã vô tâm dữ vật tề.
Độc tọa bồ đoàn xuân nguyệt noãn,
Nhất thanh u điều cách song đề.

Nghĩa:

*Trang Chu có ý hay tề vật,
Ta chỉ vô tâm cùng vật tề.
Độc tọa bồ đoàn ngày xuân ấm,
Một tiếng chim kêu xa vọng về.*

Nghĩa là, Trang Chu đem tâm muốn an bài vật, khiến cảnh vật theo ý mình; đâu biết rằng, càng khởi tâm thì cảnh càng động, càng loạn, càng sai biệt thôi. Vừa khởi tâm tề vật, là vật đã sai biệt rồi! Chỉ tự vô tâm thì cảnh tự an bài, vật tự tề, núi tự là núi, sông tự là sông.

Ngày xuân ấm, ngồi một mình trên bồ đoàn, chợt một tiếng chim kêu cách cửa sổ, từ xa vọng về! Xa vọng về đâu? Tức vọng về “Con Người Mãi Xuân” đang ngồi đó!

Ồ kia! Bên song cửa sáu căn thấy nghe hiểu biết, “Người ấy” đang ngồi đây! Người này không có trẻ già, đâu lo còn mất? Có Ai đã nghe tiếng chim xa vọng về đó chẳng? Tuy nhiên, trong đây vừa có “Ý” liền sai.

Đền Thiên sư Nhân Dũng ở Bảo Ninh thì nhân ngày tết, Sư dạy chúng:

Tạc nhật khứ niên khứ,
Kim nhật kim niên lai.
Khứ niên khứ bất khứ,
Kim niên lai bất lai.
Biến dã doanh xích tuyết,
Đại địa vong tiêm ai.
Vô danh vô tự nhân,
Cử mục liêu bồi hồi!

Nghĩa:

*Hôm qua năm cũ đi,
Ngày nay năm mới đến.
Năm cũ đi chẳng đi,
Năm mới đến chẳng đến.
Khắp đồng trắng đầy tuyết,
Cõi đất bất mây trần.
Người không tên không chữ,
Đưa mắt nhìn bồi hồi.*

Năm nào là năm cũ? Năm nào là năm mới? Chỉ cách có một đêm, sáng ra liền chia thành năm cũ, năm mới. Quả là sống trong ảo tưởng quá nhiều! Rồi tại sao năm cũ đi chẳng đi? Năm mới đến chẳng đến? Vì đến đi đó là cái thấy ảo tưởng theo thời gian vô thường, nhưng sự thật ngay trước mắt đây, vốn hiện bày một màu sáng ngời, không một hạt bụi che. Trong đó, có “người không tên, không chữ” đang đưa mắt nhìn bồi hồi kia kia! Năm cũ, năm mới làm sao đến được chỗ

này! Ai thấy chẳng? Song, vì sao mà người ấy nhìn bồi hồi? Bởi vì, vẫn ngồi đó mà không ai ngó tới! Người người cứ lo đuối theo hoa nở, hoa rụng để tự vui buồn theo đó, còn người chủ của mùa xuân bất diệt vẫn ngồi đây mà không ai hay. Thật quá phũ phàng! Vậy có ai biết người đó ở đâu chẳng?

Đây, Thiên sư Pháp Diễn ở Ngũ Tổ chỉ thêm cho thấy, Sư thượng đường bảo:

- Hôm qua lão tăng vào trong thành thấy một giàn xiếc với người gỗ máy, bèn đến gần trước xem, hoặc thấy đẹp để lạ kỳ, hoặc thấy rất xấu xí, chuyên động khi đi khi ngồi, xanh vàng đỏ trắng. Thấy rõ mọi thứ xong, đến khi xem kỹ lại thì vốn là tấm màn vải xanh bọc lại, bên trong có người. Sơn tăng nhin không nổi, liền bước tới hỏi: - Ông tên họ gì? Y bảo: Ông Hoà thượng này, thấy là xong, còn hỏi tên họ làm gì?

Đại chúng! Sơn tăng bị y hỏi một câu đành câm miệng không lời có thể đáp, không lý có thể bày. Có ai vì Sơn tăng nói được chẳng?

Người nào ở trong tấm vải bọc lại? Tại sao hỏi tên họ thì bị quở? Ai thấy được người ấy chưa? Hãy chú ý nghe kỹ: “Thấy là xong, còn hỏi tên họ làm gì?” Ngay trong thân hiện tại đây, nhận thấy là xong, khỏi hỏi tên họ, tuổi tác!

Hòa thượng Thạch Đầu từng bảo Duy Nghiễm:

Từ lâu chung ở chẳng biết tên,
Đi đứng theo nhau cứ mặc tình.
Chư thánh từ xưa còn chẳng biết
Kẻ phạm tội đâu thể rành!

Âm:

Tùng lai cộng trụ bất tri danh
Nhậm vận tương tương chỉ ma hành
Tự cổ thượng hiền du bất thức,
Tạo thứ phạm lưu khởi khả minh.

Cái gì tùy thời luôn luôn theo sát bên mình trong mọi cử chỉ, hành động chưa từng tạm rời? Tại sao từ lâu xa vẫn ở chung với nó mà không biết tên nó? Có phải đó là người không tên không chữ đang nhìn bồi hồi chẳng? Nó vốn không tên, nếu biết tên nó, lại thành kẻ thứ hai rồi! Chỗ này chư thánh còn chẳng biết kia mà! Đơn giản, vì đây không phải là cái bị biết. Do đó nếu đứng bên ngoài mà suy luận thì không bao giờ cảm thông được.

Cần phải một phen thẳng vào sống trong ấy. Song, muốn sống chỗ này, phải dám quên cái vô thường kia, và bừng dậy ngay trong vô thường vẫn hằng thường, không sanh niệm thứ hai chen vào thì hiện tiền sáng ngời không nghi.

Thiên sư Chân Tịnh có bài kệ:

Lão dã tu tri bất lão thân,
Đồng hành đồng tọa hữu tinh thần
Tuy nhiên vô tướng vô dung mạo
Năng vị quần sanh tác chủ ông.

Nghĩa:

Già đó nên biết thân chẳng già.

Đi đứng nằm ngồi vẫn theo ta

Tuy nhiên không tướng, không hình mạo

Làm chủ muôn loài vốn từ xưa.

Thiền sư Chân Tịnh cũng nhắc nhở chúng ta, trong cái thân trẻ già này, có cái chẳng già, nó vẫn hiện hữu trong mọi cử động tới lui, qua lại hằng ngày đây. Tuy nó không có hình dáng gì để thấy như cái thân già trẻ, nhưng chính đó là gốc của muôn vật, không cái gì trên thế gian này thoát ra khỏi nó. Nhưng lạ thay! Người người lại bỏ quên nó không ngó ngàng tới! Ô! Người ấy đang bồi hồi nhìn chúng ta kìa!

Tổ Lâm Tế bảo: “Ngay cục thịt đỏ au đó, có con người chân thật không ngồi thứ, thường ra vào nơi cửa mặt chúng ta đây.” Tức ngay hiện tại, thấy nghe tất cả mà vẫn nguyên vẹn là thấy nghe, không xen lẫn cái gì, ai không có? Sống trở lại với con người này thì làm chủ trong cuộc vô thường, còn gì vui sướng hơn? Mùa xuân miên viễn không năm tháng là đó chứ gì?

Động Sơn sắp tịch, có vị tăng hỏi:

- Hòa thượng bệnh, có cái chẳng bệnh chẳng?

Sư đáp:

- Có.

Tăng hỏi:

- Cái chẳng bệnh có thấy Hòa thượng chẳng?

Sư đáp:

- Lão tăng xem y có phần.

Tăng hỏi:

- Chưa biết Hòa thượng làm sao xem y?

Sư đáp:

- Khi lão tăng xem, chẳng thấy có bệnh.

Khi bệnh, nhìn kỹ xem cái bệnh diễn ra như thế nào? Thấy được cái bệnh, cái đó đâu thuộc bệnh? Đâu bị vô thường chi phối? Nên nói: “Xem y có phần”. Bốn đại năm âm đầu ngăn che được nó. Hiện tại có ai bị ngăn không có thấy nghe chẳng? Tuy nhiên tối kỵ sanh tâm động niệm. Vừa động niệm liền rơi trong bệnh, chớ bảo là không dính dáng.

Đến Thiền sư Vạn Hạnh thì sự thịnh suy vô thường hiện trong con mắt Sư như sau:

Thân như điện ảnh hữu hoàn vô,

Vạn mộc xuân vinh thu hựu khô

Nhậm vận thịnh suy vô bố úy,

Thịnh suy như lộ thảo đầu phô.

Nghĩa:

Thân như điện chớp có rồi không

Cây cỏ xuân tươi thu héo tàn
Mặc cuộc thịnh suy không sợ hãi,
Thịnh suy ngọn cỏ hạt sương đông.

Với Thiền sư lòng vẫn bình thản trước sự thịnh suy của cuộc đời. Nhưng tại sao Thiền sư không sợ hãi trước cuộc thịnh suy? Vì Sư thấy rõ thân không thật, cảnh sẽ nương vào đâu để lập? Thịnh với ai? Suy với ai? Sư thấy rõ thịnh suy tựa hạt sương buổi sớm đọng trên đầu ngọn cỏ, không có gì quan trọng so với con người bất tử kia. Nếu gặp thịnh liền vui, gặp suy liền buồn, đó là vui buồn theo duyên, không có chủ, cần nên nhớ!

III. NIỀM VUI CHÂN THẬT

Như vậy nói mùa xuân miên viễn là ngậm chỉ cái gì? Tức ngậm chỉ một niềm vui chân thật, vui mãi không mất, không thuộc sanh diệt. Đó là niềm vui không có thời gian. Nói thẳng là, niềm vui sống được trong tự tánh, niềm vui làm chủ trở lại chính mình.

Hòa thượng Thủy Lạp từng bảo trong chúng: “Ta từ khi bị cái đập của Mã Tổ đến nay cười mãi không thôi.” Đó là niềm vui sống được trong cái chân thật. Nếu ngay khi bị đập đó mà chợt nhớ đến cái ta này, hẳn không thể có đứng dậy vỗ tay cười to (Sư hỏi Mã Tổ: - Thế nào là ý Tổ Sư từ Ấn Độ sang? Mã Tổ liền nhắm ngay ngực tổng cho một đập té nhào. Sư liền đại ngộ, đứng dậy cười to ha ha). Chính lúc đó, Sư quên mất cái Ta này, cũng không nhớ cái đập luôn, mới chợt nhận ra niềm vui bất diệt ấy ở ngay nơi mình từ lâu.

Thiền sư Hoài Nhượng ở Nam Nhạc sai vị tăng đến thăm dò Mã Tổ và dặn:

- Đợi y thượng đường, chỉ hỏi: “Làm cái gì?”, y trả lời thế nào ông hãy ghi nhớ về thuật lại cho ta nghe!

Vị tăng liền đến chỗ Mã Tổ làm đúng theo lời Sư chỉ dạy. Mã Tổ liền bảo:

- Từ loạn Hồ về sau ba mươi năm chưa từng thiếu tương muối.

Đây là Mã Tổ nói lên niềm vui trở về nhà, hết còn lang thang tìm kiếm xin ăn bữa đói bữa no. Chính đó là chỗ an ổn đời đời, không ai có thể xâm phạm được. Các ngài là người, các ngài có; chúng ta cũng là người thì chúng ta cũng có đâu thiếu! Vậy sao chúng ta không chịu sống trong ấy, mà đành chịu giam mình trong cuộc luân hồi sanh tử khổ đau?

Hòa thượng Vân Cái có bài kệ nói lên chỗ sống chân thật ấy:

Nhất niên xuân tận nhất niên xuân,

Dã thảo sơn hoa kỷ độ tân.

Thiên hiểu bất nhân chung cổ động,

Nguyệt minh phi vị dạ hành nhân.

Nghĩa:

Một năm xuân trọn một năm xuân,

Hoa nội cỏ đồng tươi mấy lần.

Trời sáng chẳng do chuông trống động,

Trăng trong đâu bởi khách đi đêm.

Đến đây, với Thiền sư Vân Cái thì thấy lúc nào cũng là xuân, khắp nơi đâu đâu cũng là xuân, không còn phân biệt mới cũ. Đó là mùa xuân từ trong tự tánh mà thấy, không do tạo tác từ bên ngoài, không do cái gì làm nên. TÂM XUÂN thì thấy cái gì cũng xuân. Ai bảo người tu là bị quan yếm thế?

IV. LÀM SAO THẤY ĐƯỢC NIỀM VUI NÀY?

Đã biết có niềm vui bất diệt ấy, nhưng làm sao nhận thấy, chẳng lẽ chỉ nói suông sao?

Đây, Thiền sư Thử Am chỉ cho chúng ta thấy qua bài kệ:

Lưu thủy hạ sơn phi hữu ý,
Phiền vân qui động bản vô tâm.
Nhân sanh nhược đắc như vân thủy,
Thiết thọ khai hoa biến giới xuân.

Nghĩa:

Nước tuôn xuống núi nào có ý,
Mây bay về động vốn vô tâm.
Người đời nếu được như mây nước,
Cây sắt trở hoa khắp cõi xuân.

Nếu tâm chúng ta được như mây nước, đi qua tất cả mà không lưu lại dấu vết gì, không bám dính cái gì, thì: “cây sắt trở hoa khắp cõi xuân”, khỏi tìm đâu khác. Nói theo kinh Kim Cang là: “Nên không chỗ trụ mà sanh tâm kia”, đi qua tất cả sáu trần mà không dừng trụ ở bất cứ trần nào, không đứng lại ở bất cứ chỗ nào, thì tâm thanh tịnh có gì phiền não? Chính đó là sống trở lại “tâm thể tinh khôi”, lúc nào cũng mới mẻ sáng ngời, chỗ nào cũng có niềm vui bất diệt đó.

Cho nên Thiền sư Thiền Lão đáp vua Lý Thái Tông hỏi:

- Hằng ngày Hòa thượng làm gì?

Sư đáp:

- Trúc biếc hoa vàng đâu cảnh khác,
Trăng trong mây bạc hiện toàn chân.
(Thúy trúc hoàng hoa phi ngoại cảnh,
Bạch vân minh nguyệt lộ toàn chân)

Chỗ sống hằng ngày của Thiền sư là như thế. Tâm đã thanh tịnh sáng suốt thì thấy cái gì cũng thanh tịnh sáng suốt, cũng lộ bày chân thật đó, chỗ nào mà chẳng xuân? Song vừa có “ý” xen vào liền hết xuân! Liền đó Lưu Thần, Nguyễn Triệu phải trở về nhân gian thôi!

Tương truyền ngày xưa có hai chàng học trò tên Lưu Thần và Nguyễn Triệu nhân ngày tết Đoan ngọ (mùng 5 tháng 5) đi hái thuốc, bị lạc đường đến động Thiên thai gặp Tiên nữ và kết duyên cùng Tiên nữ. Nhưng một hôm, đang ở trên cảnh tiên vui sướng bỗng chợt nhớ nhà quá, rồi một mực đòi về. Tiên nữ biết hai chàng lòng trần chưa dứt không thể ép được, nên đưa cả hai về trần thế. Song, khi hai chàng về đến nơi thì hỡi ôi, cảnh vật đều biến đổi khác lạ, quê xưa không còn nữa, người thân đều chết cả, không người quen biết! Hai chàng buồn bã lại nhớ đến cảnh tiên, tìm đường muốn lên đó để gặp tiên, nhưng than ôi, cảnh tiên đâu không thấy, cuối cùng lạc lối, đành chịu chết bỏ xác ở rừng sâu!

Cho thấy, dù người đang ngồi trong cảnh tiên, vẫn không sống được trong ấy, là vì sao? Lỗi tại ai? Cảnh đâu có bỏ người hay lựa người. Chỉ tại người tự sanh tâm cách biệt!

Trong khi đó thì:

Hoa lưu động khẩu ung trường tại.

Nghĩa là:

Mãi nơi cửa động hoa còn đó.

Hoa vẫn còn mãi đó! Vẫn nở luôn nơi cửa động nhưng người còn động niệm nhớ trần gian nên không thấy. Chỉ cần ngay đây, ai đó tự mở mắt ra xem, thì, ô kìa! Hoa nở ngay trong mắt mình! Vui sướng xiết bao! Bỏ qua, rồi đi tìm là đành chịu chết! Có thật đau đớn chẳng?

V. TÓM KẾT

Người nhận được niềm vui chân thật này là con đường trở lại quê xưa. Sống được niềm vui này là làm chủ trở lại trong cuộc vô thường sanh tử, từ đó có hiệu dụng thắng phiền não, đau buồn, vì đã có mùa xuân miên viễn nơi cố hương. Cũng từ đây, người tinh ngộ hết chạy đuổi tìm theo cái hư dối mà ngồi thẳng ngay tại quê nhà thường xuân, còn gì vui sướng hơn? Tuy nhiên, muốn được như thế, phải quên cái TA sanh diệt này, phải dám BUÔNG!

Kinh Niết Bàn có nhắc chuyện Tiên nhân vì nửa bài kệ mà hy sinh thân mạng. Tức Phật khi còn tu Bồ tát hạnh, làm vị Tiên nhân ở trong núi sâu, trọn ngày hành đạo, muốn tìm cầu kinh điển đại thừa mà không nghe biết ở đâu có. Nhân vị Tiên ấy đang ngồi thiền tư duy, cảm đến trời Đế Thích hiện xuống hóa làm một quỷ La Sát đến bên động dùng tiếng trong trẻo đọc nửa bài kệ:

Chư hành vô thường,

Thị sanh diệt pháp

Nghĩa:

Các hành vô thường,

Là pháp sanh diệt.

Vị Tiên nghe được, liền xuống khỏi chỗ ngồi, đi ra ngoài nhìn khắp nơi tìm xem ai đọc nửa bài kệ đó, thì thấy một hình tướng ghê sợ, đầu tóc rối bù, mặt xanh như chàm, răng nanh lòi ra, thân to, bụng đói teo nhỏ. Vị Tiên bèn hỏi:

- Phải ông vừa đọc hai câu kệ vừa rồi chẳng?

La Sát đáp:

- Chính tôi đọc.

Vị Tiên nói:

- Xin ông đọc tiếp luôn hai câu cuối, tôi sẽ đền ơn cho.

La Sát nói:

- Bụng tôi đang đói mấy ngày, không còn sức để đọc tiếp.

Vị Tiên hỏi:

- Thức ăn của ông là gì?

La Sát nói:

- Thịt tươi của người và uống máu nóng, nếu ông có thể xả thân cho tôi ăn, tôi sẽ nói cho.

Vị Tiên nghĩ: - “Nếu xả thân cho vị này ăn thì lấy gì để nghe pháp?” Bèn nghĩ ra kế, xin La Sát hãy viết bài kệ lên đá, Ngài ở trên cây cao nhìn xuống đồng thời gieo thân mình cho ăn.

Như thế, La Sát viết hai câu tiếp:

Sanh diệt diệt dĩ,
Tịch diệt vi lạc.

Nghĩa:

Sanh diệt diệt rồi,
Tịch diệt là vui.

Vị Tiên đang nhảy xuống, La Sát đỡ lấy thân của vị Tiên, hiện lại nguyên hình trời Đế Thích, tán thán:

- Lành thay! Ngài sẽ thành Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác, xin chớ quên độ tôi!

Trong đây, tại sao chỉ có hai câu kệ mà bắt phải hy sinh thân mạng? Hy sinh thân mạng rồi, lấy gì để nghe? Đó là một thâm ý! Thân này vốn thuộc các hành vô thường, là pháp hữu vi sanh diệt chứ gì! Muốn nghe nhận được đến “Sanh diệt diệt rồi, tịch diệt là vui” thì phải dám BUÔNG cái TA sanh diệt này, mới nghe được “Tịch diệt là vui” kia! Còn quá bám víu, quá luyến tiếc cái Ta không dám buông, thì đừng mong nghe được lời vi diệu kia. Vì vậy Tiên nhân buông xả thân mạng này, liền được thấy “Tịch diệt là vui”! Chỗ này dù lý luận hay thế mấy cũng không tới được, chỉ phải một phen chứng nghiệm thôi.

Để tóm tắt ý nghĩa trên, xin dẫn bài kệ của Thiền sư Tư ở Nột Đường:

Xuân tuyết mãi không lai,
Xúc xú thị hoa khai.
Bất tri viên lý thụ,
Na cá thị chân mai?

Nghĩa:

Tuyết xuân đầy trời đến,
Trúng đầu hoa nở đó.
Chẳng rõ cây trong vườn,
Gốc nào là mai thật?

Tức là hơi xuân đã sẵn khắp mọi nơi, mọi chỗ, đụng đến là hoa nở ngay đó thôi. Nhưng không biết trong đây có cây nào là mai thật chẳng? Đã có, tại sao còn chưa nở? Có đáng thương, đáng buồn chẳng?

Hy vọng mỗi cây thật trong đây đều trúng được “hơi xuân bất diệt” này!

Ồ! Hoa nở rồi đây!



THẤY BIẾT ĐÚNG NHƯ THẬT



I. KIỂM LẠI THẤY BIẾT CỦA CHÚNG TA HIỆN TẠI LÀ THẾ NÀO?

Sống trên đời này, ai cũng đều có chỗ thấy biết, đó là một điểm không thể chối cãi. Và lâu nay chúng ta ai cũng như ai thường tự hài lòng với chỗ “thấy biết của ta”, nhưng chín chắn kiểm điểm lại xem, cái gọi là THẤY BIẾT CỦA TA có thật đúng chưa? Thế mà chúng ta thường hay đi phê bình người này, chỉ trích người nọ là sao? Khi đi phê bình, chỉ trích mọi người tức trong đó ngầm nói lên điều gì? Rõ ràng ngầm nói lên chỗ thấy của ta là hay hơn hết. Ta thấy là đúng đắn, chính xác nên ta thấy được chỗ dở của người, chỗ thấy của người hẳn còn kém thua ta nên ta đi phê bình để nêu cao chỗ thấy của ta cho tất cả biết. Bấy nhiêu đó, đủ thấy cái THẤY BIẾT CỦA TA là như thế nào rồi, khỏi phải nói thêm nhiều lời!

Song, đặt câu hỏi lại: chỗ thấy biết của ta có được bao nhiêu đối trong vũ trụ này? Quả là rất còn hạn hẹp. Ngay cả những nhà bác học, chỗ thấy của họ cũng còn giới hạn, cũng còn có nhiều điều chưa biết. Vậy thì tại sao chúng ta dám tự hào về cái thấy biết của mình?

Để thấy lại chỗ này, chúng ta thử đặt thêm câu hỏi. Hiện tại chúng ta ai không có mắt chẳng? Nếu không phải là người mù, thì ai ai cũng đều có mắt, vậy tại sao Phật bảo chúng ta là vô minh? Vô minh tức là mù tối, là không sáng suốt. Có mắt sao gọi là không sáng suốt? Bởi vì chúng ta có mắt mà thấy biết theo tình mê, nhìn đảo lộn sự thật, lấy cái giả làm chân, không phải ta lại chấp bướng, chấp càn là ta. Hơn nữa, thấy biết cái gì cũng luôn luôn dán nhãn hiệu “TA” vào trong đó, cho nên thấy biết cái gì cũng đều bóp méo sự thật theo cái ta: ta thấy, ta hiểu,

cái thấy của ta là trên hết, là bất khả xâm phạm. Vậy không phải vô minh là gì? Có thể hài lòng được sao?

Trong kinh Niết Bàn có kể câu chuyện: Một ông Vua muốn thử chỗ nhận biết của những người mù thế nào, bèn sai đem con voi ra trước sân và cho gọi một số người mù đến trước con voi, bảo thử diễn tả con voi cho ông nghe. Đám người mù đó lảng xãng đến sờ con voi, người sờ trúng cái đuôi, bảo: con voi giống cây chổi. Người sờ trúng chân bảo: con voi giống cây cột. Người sờ trúng bụng bảo: con voi giống cái lu. Người sờ trúng cái tai bảo: con voi giống cái quạt v.v... rồi cãi nhau inh ỏi. Trong khi đó ông vua nhìn thấy toàn thể con voi rõ ràng, chỉ biết cười thôi.

Câu chuyện đơn giản mà thật ý vị! Tại sao đám người mù cãi nhau inh ỏi? Chỉ vì chỗ thấy chưa trọn vẹn. Dù mỗi người có thật sự đụng đến con voi, nhưng vì chỉ đụng đến một góc, một cạnh, không thấy thấu được toàn thể con voi mà cứ chấp chặt chỗ nhận biết của mình là đúng hơn hết, do đó thành cãi. Cãi đó là để làm gì? Để nêu cao, bảo vệ cái thấy biết của ta là đúng nhất! Không ngờ TA THẤY chỉ là một khía cạnh thôi, càng cãi càng lộ bày chỗ dở của mình ra mà không hay.

Trái lại, ông vua mắt sáng nhìn thấy trọn vẹn con voi trước mắt rõ ràng, chỉ cười thôi, đâu nhọc tranh cãi làm gì? Đó là nói người có đụng đến con voi thật sự nhưng đụng chưa trọn vẹn mà còn thấy lệch lạc như thế, huống nữa người chưa đụng đến, chỉ nghe nói rồi ức tưởng mà đi cãi, thì còn phải nói sao đây?

Quả thật, xét cho cùng tốt thì cái THẤY BIẾT của chúng ta hiện tại đây rất còn giới hạn, nhưng vì cái TA che mờ thành ra tự hào thôi. Hãy xem, đồng là một cô thiếu nữ mà người thì thấy đẹp, người thì thấy xấu tùy theo ý riêng của mình. Người nhìn trên sắc tướng thấy thích liền bảo là đẹp. Người nhìn trên đức hạnh không vừa ý bảo là xấu nét.

Cũng vậy, cùng một đóa hoa, ta thấy là đẹp, người thấy là xấu. Tại sao như thế? Chỉ vì trong đầu ta chưa từng thấy đóa hoa nào đẹp hơn đóa hoa này, còn người kia thì trong đầu họ đã từng thấy nhiều đóa hoa đẹp hơn đóa hoa này gấp bội. Nhưng “hoa vẫn là hoa”, nó có nói tôi đẹp, tôi xấu bao giờ đâu? Chỉ vì mỗi người chúng ta đem cái khuôn in sẵn trong đầu của mình ra để đo nó, bóp méo, bắt nó phải đẹp, phải xấu theo cái khuôn TA ấy, thành ra không thấy trọn vẹn được đóa hoa. Vậy mà cũng tự hào! Chừng ấy đủ thấy chỗ lầm của mình rồi!

Trong kinh Lăng Nghiêm có nói đến CÁI THẤY BIỆT NGHIỆP và CÁI THẤY ĐỒNG PHẬN.

- Cái thấy biệt nghiệp, như ban đêm có người bị bệnh mắt nhìn thấy ngọn đèn có thêm cái bóng tròn năm màu hiện ra, nhưng người mắt sáng dù ở bên cạnh nhìn xem vẫn không thấy.

- Cái thấy đồng phận, như người nước này thấy những điềm bắt tường như sao chổi, sao băng, hai mặt trời v.v... mà người ở nước khác không thấy.

Cũng vậy, chúng ta luôn luôn thấy biết sự vật đều có một cái bóng tròn đi theo sát bên mình. Bóng gì? Đó là “bóng của một cái tôi.”

Kìa, núi cao, sông sâu, do đâu mà cao, mà sâu? Chúng ta hãy đến hỏi xem núi, nó có nói nó cao nó thấp bao giờ chẳng? Sông, nó có nói nó sâu, nó cạn gì chẳng? Quả là chúng ta gán cái tôi vào trong đó, rồi bắt nó cạn, nó sâu, nó cao, nó thấp theo cái tôi này! Tôi thấy núi này cao vì trong đầu tôi chưa thấy núi nào cao hơn. Người kia thấy núi này thấp, vì trong đầu họ đã từng thấy những núi cao hơn. Thế là núi có cao, có thấp theo cái “bóng nhòa một cái tôi”. Vậy bảo là chân lý muôn đời được sao? Gân cổ lên cãi để bảo vệ cho nó được sao?

Từ một người bệnh có bóng nhòa cái tôi đó, mà thấy sự vật có mang theo cái bóng nhòa ấy, rồi người người bệnh mắt cũng đồng thấy sự vật có cái bóng nhòa theo bên, nên cùng hài lòng trong đó cho là chúng ta thấy đúng. Song những người mắt sáng không cùng chung bệnh mắt đó, như người ở nước khác bên cạnh thì vẫn thấy bầu trời trăng sao trong sáng, không có sao chổi, sao băng gì. Tức nhân một người bệnh mắt mà nói rộng ra nhiều người trong một nước đồng cái thấy bệnh ấy, gọi là cái thấy đồng phận. Tức là cái lầm chung với nhau.

Chính vì mỗi người đều sống có một cái bóng tròn riêng nên ai ai cũng đều sống với cảnh giới riêng, dù ngồi sát bên nhau nhưng trong đầu mỗi người vẫn đang có một cảnh giới riêng, nên cũng không tiếp xúc được nhau. Xả cái bóng TA đó đi, thì gặp nhau tất cả, còn gì tranh cãi nữa?

Ông Tô Đông Pha có bài tụng nói về LÔ SƠN CHÂN DIỆN MỤC, tức MẶT MÀY THẬT CỦA NON LÔ:

Hoàn khán thành lãnh trắc thành phong,
Viễn cận cao đê giai bất đồng.
Bất thức Lô sơn chân diện mục,
Chỉ duyên thân tại thử sơn trung.

Nghĩa:

Nhìn ngang thành dãy, xéo thành non,
Cao thấp, xa gần thấy chẳng đồng.
Chẳng biết Lô sơn mày mặt thật,
Bởi tại núi này thân ở trong.

Cũng là một ngọn núi Lô, nhưng người đứng ngang thì nhìn thấy là một dãy núi, người đứng xéo nhìn lại thấy chỉ là một ngọn núi, đứng gần thì thấy cao, đứng xa thì thấy thấp v.v... Nhìn theo kiểu đó, hẳn muôn đời đâu thấy được mặt mày thật của non Lô, trái lại là nhìn theo cái BÓNG TA rồi! Đó là vì, thân đang bị kẹt trong núi này, đang đóng khung trong núi năm uẩn ta đây, hẳn không thể thấy được chân lý. Song chân lý thật sự ở đâu mà không thấy?

II. CHÂN LÝ Ở TRONG TA

Chúng ta cứ lo hướng ra bên ngoài chạy tìm chân lý, không ngờ chân lý ở ngay chính mình. Mình sai thì thấy cái gì cũng sai, theo cái tình sai lầm đó. Trái lại, mở sáng mắt tâm, phá mê lầm thì thấy cái gì cũng sáng suốt đúng như thật.

Có một bà nọ đến nghe Thiền sư Bạch Ẩn thuyết giảng rằng: “Tâm thanh tịnh thì cõi nước thanh tịnh, đức Phật trong mỗi chúng sanh: Một khi đức Phật xuất hiện thì mọi vật trên thế gian đều chiếu ánh quang minh. Nếu ai muốn nhận

được điều này, phải phản quan tự kỷ, đến chỗ nhất tâm bất loạn. Vì tâm tịnh tức độ tịnh, thì làm sao để trang nghiêm tịnh độ? Vì Phật vốn sẵn trong mỗi chúng sanh thì tướng tốt và vẻ đẹp của Phật là gì?”

Nghe xong bà nghĩ: “Điều đó không khó!” Về nhà bà bắt đầu quán chiếu suốt ngày đêm, đeo đuổi mãi dù ngủ hay thức.

Một hôm, đang rửa nôi, thỉnh linh bà tỏ ngộ. Mừng quá, bà ném cái nôi qua bên, liền đến gặp ngài Bạch Ẩn. Bà nói:

- Tôi bỗng gặp đức Phật trong thân tôi. Mọi vật rạng ngời ánh sáng. Thật kỳ diệu! Kỳ diệu!

Bà quá đôi sung sướng. Bạch Ẩn chột bảo:

- Bà nói như thế, nhưng còn cái hăm phân thì sao? Nó có chiếu sáng không?

Bà bước lên, đâm vào Bạch Ẩn nói:

- Ông già này chưa ngộ.

Bạch Ẩn cười to.

(Những Nụ Cười Thiên)

Xem đây! Bà này tỏ ngộ liền sung sướng hừng khởi, cảm thấy đức Phật ngay trong thân bà và mọi vật trước mắt đều sáng ngời ánh sáng ấy. Tuy nhiên nghe vậy, Bạch Ẩn còn gạn lại để xem bà đã có kinh nghiệm thực sự hay do một cái khuôn đúc sẵn trong đầu đã học hiểu từ trước. “Tất cả đều sáng ngời, vậy hăm phân thì sao? Nó có chiếu sáng chẳng?” Nếu nghe nói hăm phân, cái “khuôn nhơ sạch” trong đầu hiện ra, bèn trầm ngâm do dự, thì biết ngay là chưa phải. Ở đây, bà đã thực sự kinh nghiệm rõ ràng, nên trả lời ngay bằng một cái đâm “Ông già này chưa ngộ!” Cho thấy lời lẽ kia không thể lừa được bà!

Như vậy, cũng cảnh này, khi mê thấy sai khác theo tình mê, khi giác thấy sáng tỏ theo ánh sáng chánh giác, nhưng núi sông vẫn là núi sông, chưa từng có mê ngộ. Chúng ta thì thường bị lầm theo bên ngoài. Chẳng hạn lâu nay chúng ta đọc truyện Kiều, thấy Nguyễn Du nói:

“Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu,

Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ”

Thông thường ai cũng thấy hay, đứng với tâm cảnh chúng ta hiện tại phải không? Tuy nhiên, mở con mắt thiền, phản chiếu trở lại xem, có thực đúng chưa?

Cảnh, nó có đeo sầu, đeo não chẳng? Hay là chúng ta lấy CÁI TA mà đeo vào nó? Đó là đem cái ta mà đo lường cảnh, đem cái ta rọi vào cảnh, nhìn cảnh qua cặp kiếng màu đen sậm một CÁI TA! Sự thật, cảnh có buồn có vui gì đâu? Chúng ta đem cái buồn vui trong lòng mình rồi gán vào cho cảnh, bắt nó buồn, nó vui theo mình, gọi đó là chân lý được sao? Các pháp từ tâm sanh là đây!

Xưa có vị tăng ở Hải Đông qua Trung Hoa tham học, giữa đường mệt mỏi không chỗ trú, bèn tạm vào ngôi mộ cỏ nghỉ qua đêm. Trong lúc đó, khát nước quá, ông nhìn qua bên cạnh thấy có nước, lấy tay vốc lên uống nghe ngọt ngào hết khát. Sáng ra, nhìn lại đó là một cái sọ người, ông liền ói mưa ra. Ngay lúc đó ông chột tỉnh ngộ: “Một tâm chẳng sanh, muôn pháp không lỗi.”

Chúng ta thấy cái nguy hiểm của “tâm sanh” chưa? Tại sao cũng nước đó mà lúc đêm uống vào thấy ngọt ngon, muốn uống thêm, đến sáng ra nhìn lại chưa kịp uống đã nôn mửa! Nguyên nhân nằm ở chỗ nào? Chính do tâm phân biệt chứ gì? Nghĩa là, vừa xen cái tôi phân biệt vào liền có như sạch sai biệt, có ngăn cách trong ngoài. Bám chặt vào cái thấy biết đó để đề cao cái TA giữa thế gian này, chính là sống trong mê lầm. Vì vậy, ngay đây nếu có ai cứ đem cái TA này đi phê bình người này, người nọ thì biết ngay là đang sống trong cái thấy biết gì, khỏi phải nói thêm nhiều!

III. THẤY BIẾT ĐÚNG NHƯ THẬT LÀ NÓ

Đã rõ cái thấy biết sai lầm méo mó như trên rồi, giờ đây chúng ta phải nhìn trở lại trong ánh sáng trí tuệ, thấy biết đúng như thật nơi các pháp. Thân này không phải ta, thấy đúng không phải ta. Tâm sanh diệt thế nào thấy đúng như thế không lầm. Núi sông thấy đúng như núi sông. Thấy biết một cách rành rõ không xen lẫn cái ta vào, không đồng hóa thấy biết với cái bị thấy, không theo một cái khuôn nào trong đầu.

Phải thấy như Phật đã nói trong kinh Pháp Hoa: “Như Lai chẳng như ba cõi mà thấy ba cõi, Như Lai thấy suốt không có sai lầm.”

Thấy không sai lầm là phải thấy như vậy. Chẳng như ba cõi mà thấy ba cõi là thấy thế nào? Tức là thấy biết tất cả thế gian trước mắt, nhưng thấy biết vẫn là thấy biết, nguyên vẹn như nó là nó, nên thấy tất cả mà không là cái gì hết. Thấy như thế tức là Như Lai thấy, ba cõi làm sao che mờ, dối gạt được nữa? Đó là thấy biết không dừng trụ trên bất cứ cái gì.

Chính chỗ này, vị tăng hỏi ngài Qui Tĩnh về cây bách của Triệu Châu, Qui Tĩnh bảo:

- Ông có tin chăng?

Tăng thưa:

- Lời quý trọng của Hòa thượng con đâu dám chẳng tin.

Qui Tĩnh bảo:

- Ông có nghe giọt mưa rơi trước thềm chăng?

Tăng chợt tỉnh la: “Chao!” và làm bài kệ:

Thiền đầu thủy đích,

Phân minh lịch lịch.

Đả phá càn khôn,

Đương hạ tâm tức.

Nghĩa:

Giọt mưa trước thềm,

Rành rẽ rõ ràng.

Càn khôn đập nát,

Liền đó tâm dừng.

Chú ý! Từng giọt từng giọt mưa rơi, nghe biết rõ ràng rành rẽ không một chút mê mờ, thì giọt mưa vẫn là giọt mưa nhưng tâm sáng ngời không thêm bớt,

lấy bỏ gì trong đó. Như vậy là chính mình đang hiện hữu ngay từng giọt mưa rơi! Thấy biết được như thế thì thấy biết cái gì cũng sáng ngời, đâu đâu cũng là Phật pháp, chân lý hiện khắp mọi nơi.

Vua Lý Thái Tông hỏi về chỗ sống hằng ngày của Thiền sư Thiền Lão, Sư đáp:

Trúc biếc hoa vàng đâu cảnh khác,
Trăng trong mây bạc lộ toàn chân.
(Thúy trúc hoàng hoa phi ngoại cảnh,
Bạch vân minh nguyệt lộ toàn chân)

Tâm Thiền sư đã sáng tỏ nên nhìn ra thấy lẽ thật toàn bày trước mắt, không có một chút gì che mờ. Chỗ nào cũng hiện lộ tánh chân ấy. Song có người nghe thế sẽ bảo: “Câu đó quá cũ rồi, tôi đã nghe nhầm lỗ tai”. Nói thế là có thấy sáng ngời được chăng? Và nói thế là biết rõ mình đang sống với cái gì? Tức đang sống với tâm quá khứ cũ xưa, với cái khuôn chết cứng trong đầu, nên liền đó hết lộ toàn chân mà “lộ toàn cái tôi” trong đó! Người học đạo cần xét kỹ điểm này.

IV. HÃY TRẢ LẠI CÁI BIẾT NGUYÊN VỆ, SẠCH MỌI KHÁI NIỆM

Như vậy, để sống được trong cái thấy biết đúng như thật ấy, chúng ta hãy trả về cái biết nguyên vẹn, sạch mọi khái niệm đóng khuôn trong đầu này. Hòa thượng Vân Môn từng thượng đường giơ cây gậy lên bảo: “Phàm phu thấy nó là thật. Nhị thừa phân tích nói là không. Viên giác thấy như huyền. Bồ Tát thì đương thể tức không. Thiền gia thấy cây gậy là cây gậy, đi chỉ đi, ngồi chỉ ngồi, không được động đến.” Thế là thiền gia cao hơn Bồ Tát, Viên giác sao? Chỗ này người hiểu theo ngôn ngữ dễ lắm.

- Phàm phu: vì còn mê chấp nên thấy cái gì cũng thật, do đó thấy cây gậy là thật cây gậy, thành bị vật che mờ ánh sáng chân thật chính mình.

- Nhị thừa: thì do phân tích sự vật theo thời gian sẽ hoại diệt, không thật bền bỉ nên nói là không, nhưng chưa phải ngay đó thấy như thật.

- Viên giác: ngay đó thấy như huyền không thật có, tức cũng còn có chỗ lý quán như huyền đó! Nghĩa là còn có cái lý như huyền để thấy.

- Bồ Tát: ngay đương thể đây thấy rõ tức không, không đợi phân tích theo thời gian mới thấy thành không. Song như thế cũng chưa khỏi còn chỗ chiếu soi cái không ấy nên vẫn chưa tốt lý.

- Thiền gia: thấy đúng như thật nó là nó, không thêm bớt chút gì trong đó. Nghĩa là, ngay đó thật thể hiện tiền, không thêm một ý niệm gì khác, vì vậy bảo: “không được động đến”. Động đến tức có xen cái tôi vào!

Tuy nhiên, đây là ngầm chỉ nếu người còn kẹt trên lý sai biệt, còn vướng trong cái thấy thứ lớp tức chưa rốt ráo, không phải bảo Thiền gia cao hơn Bồ Tát, Viên Giác. Nếu người khỏi cái thấy cao thấp đó, liền mê như cũ! Cốt là, sạch mọi khái niệm trong đầu, cây gậy chỉ là cây gậy, ông làm sao xen thêm cái gì để hiểu? Có thêm cái hiểu thì cây gậy không còn là cây gậy, mà đã thành “cây gậy của tôi”. Mê Ngộ chỉ trong đường tơ kẻ tóc ấy.

Một dịp khác, Thiền sư Quế Sâm cùng Trường Khánh, Bảo Phước đi vào trong Châu, thấy một đóa hoa mẫu đơn, Bảo Phước nói:

- Một đóa hoa mẫu đơn đẹp.

Trường Khánh bảo:

- Chớ để mắt sanh hoa!

Quế Sâm nói:

- Đáng tiếc một đóa hoa!

Ồi, chỉ một đóa hoa bình thường vô sự, bất ngờ bị ba lão gây thành sóng gió sai biệt!

Hoa, nó có nói đẹp nói xấu gì? Nó có làm mắt sanh hoa bao giờ đâu? Hoa chỉ là hoa thôi, chớ xen “ý niệm” gì khác nữa. Tuy nhiên trong đây nếu người nhìn theo cái khuôn khái niệm trong đầu, liền bị ba lão gạt dễ dàng. Tức có người bảo, trong đó Quế Sâm hay hơn tất cả, Bảo Phước còn nói đẹp xấu, Trường Khánh còn theo đuôi Bảo Phước lấy bỏ. Đâu biết rằng “Trường Khánh, Quế Sâm và mình” đều rơi vào cái bẫy của Bảo Phước mà không hay.

Kìa, Bảo Phước không sóng cổ gây thành sóng để trêu người! Trường Khánh, Quế Sâm mỗi người tự có chỗ sống, nhưng bất ngờ bị Bảo Phước khám phá ra rồi! Chúng ta không hiểu, chen vào đó khen chê, lại rớt vào bẫy! Vậy có ai khéo trả lại đóa hoa bình thường xem!

V. TÓM KẾT

Cuối cùng ngay đây, cái gì vay mượn hãy trả về cho vay mượn, mọi thứ trả về cho mọi thứ, trông sạch mọi khái niệm khuôn khổ đóng cứng trong đầu, NHƯ THẬT THẤY BIẾT ĐÚNG NHƯ THẤY BIẾT, không xen thêm cái gì vào, nhất là không cái tôi xem! Tức liền đó, luôn luôn thấy biết mới mẻ, vi diệu! Nếu bảo rằng: “Sao cứ bao nhiêu đó nói hoài”, thì ngay đó biết rằng mình đang thấy biết với cái gì? Quả tang là với cái khuôn quá khứ trong đầu, với cái tâm quá cũ của quá khứ, chớ vội tự hào!

Chúng ta hãy nghe câu chuyện Đàm Thạnh với Dược Sơn. Đàm Thạnh đứng hầu, Dược Sơn hỏi:

- Bá Trượng nói pháp gì?

Sư thưa:

- Có khi Ngài thượng đường, đại chúng nhóm họp xong. Ngài lấy gậy đuổi tan, rồi gọi: - Đại chúng! Đại chúng xoay đầu nhìn lại, Ngài liền hỏi: - Là cái gì?

Dược Sơn bảo:

- Sao chẳng nói sớm thế ấy, ngày nay nhân ông ta thấy được Hải huynh.

Trong đây cho thấy, Đàm Thạnh chỉ nhắc lại việc cũ của Bá Trượng thôi, vì sao Dược Sơn bảo: “Nhân ông ta thấy được Hải huynh?” Tức nhân đó Dược Sơn thấy được Bá Trượng. Vậy thì ngay đó Bá Trượng hiện tiền sáng ngời, sao bảo là lời cũ được? Nhưng chúng ta nghe nhắc lại thì có thấy Bá Trượng chẳng? Tại sao không thấy?

Đơn giản, bởi vì tâm chúng ta quá cũ! Bởi tâm mình quá cũ nên nghe cũng thành cũ, rồi cho là chuyện cũ, làm sao thấy được! Đây là chỗ phải nghiệm kỹ để không lầm, thành ra chỉ sống với cái cũ chết, lại tự cho là mình thông minh nghe

qua liền hiểu rồi! Người học thiền phải NGHE THẤY với tâm luôn mới mẻ chưa từng trải qua ý niệm gì, thì sẽ nghe được những điều không ngờ! Đừng vội bảo lời cũ, chuyện cũ, mà hãy xét lại tâm mình có cũ không?

Và đây, có vị tăng hỏi ngài Linh Vân:

- Thế nào là chư Phật chưa ra đời?

Sư đưa cây phất tử lên.

Tăng hỏi tiếp:

- Thế nào là chư Phật đã ra đời?

Sư cũng đưa cây phất tử lên.

Vậy là Chư Phật chưa ra đời, ở đâu? Rồi Chư Phật đã ra đời thì ở đâu?

Rõ ràng cũng chỉ ngay THẤY BIẾT này thôi! Nhưng tại sao chúng ta chỉ thấy có chúng sanh ra đời? Lỗi tại ai?

Và chín chắn kiểm điểm lại xem, ngay bây giờ đây, chư Phật ở đâu?

Đưa quyển sách này lên được chăng?

Mong tất cả luôn luôn mở mắt, THẤY BIẾT NHƯ THẬT, đó là chỗ cùng gặp nhau trong ánh sáng chân thật.



NÓ ĐÂY RỒI



Xưa nay thiên vốn là một thực tế, rất thực tế đến độ không ngờ, nhưng vì chúng ta quen tưởng tượng quá nhiều về nó, hoặc suy tư theo danh từ nên đã tô điểm lên nó đầy ắp những khái niệm, rồi lại đua nhau đi tìm nó! Nghe nói thiên vượt ngoài lý luận, bèn tưởng tượng nó là một cái gì thật cao siêu, dành cho người thượng căn, thượng trí, vậy nó phải thật phi thường, vượt ngoài thế gian này. Song ngoài thế gian này sẽ tìm nó ở đâu? Chúng ta đang ở trong thế gian mà nó ở ngoài thế gian, thì làm sao tìm?

Có vị tăng hỏi Hoà thượng Triệu Châu:

- Thế nào là người ở ngoài ba cõi?

Sư đáp:

- Ngặt vì ta ở trong ba cõi.

Đây là bệnh nói lý, cứ lo hỏi chuyện xa xôi, tưởng tượng ở đâu đâu mà quên mất chỗ sống chính mình đang hiện hữu ngay đây. Thân đang ở trong ba cõi mà lo hỏi chuyện ngoài ba cõi! Muốn biết thì ông hãy ra khỏi ba cõi tức biết ngay. Thiên không lý luận dài dòng không tốn công chạy đua trên khái niệm.

Một dịp khác, ngài Trần Tôn Túc tức Thiền sư Đạo Minh hỏi vị tăng:

- Ông ở đâu đến đây?

Tăng thưa:

- Con từ Ngưỡng Sơn đến.

Sư bảo:

- Ông nói láo.

Sao lạ vậy? Ông tăng nói láo ở chỗ nào? Chính ông tăng từ Ngưỡng Sơn đến, nên ông thật thà đáp như thế, sao bảo nói láo? Bởi Thiền sư không giống thường tình ở thế gian. Sư bảo thế là muốn đánh thức ông tăng, ông đang đứng đây, đang đối diện hiện tiền rõ ràng đó, lại nhớ trở về Ngưỡng Sơn hôm nào. Đây là quên mất thực tại đang hiện tiền! Một thực tại quá ư gần gũi, xác thực đến nỗi ông tăng không ngờ.

Chính đây mà Hoàng Bá gọi Bùi Hưu. Bùi Hưu thấy hình vẽ cao tăng trên vách chùa, hỏi Hoàng Bá:

- Hình ở đây, còn cao tăng ở đâu?

Hoàng Bá gọi to:

- Bùi Hưu!

Bùi Hưu đáp:

- Dạ!

Hoàng Bá bảo:

- Ở đâu?

Ngay đó ông liền nhận ra cao tăng hiện tiền.

Ai thấy ngay lúc đó Bùi Hưu đang ở đâu mà hỏi? Ông cứ lo hỏi cao tăng ở trong hình vẽ, còn “cao tăng sống đang hỏi” đó, lại đâu ngờ! Thiên sư thấy suốt rõ ràng, đâu chịu bỏ qua luống uổng. Nên một gọi, liền dạ, thực tại vẫn đang hiện hữu sáng ngời muôn thuở đó!

Thiên sư Văn Yên ở Vân Môn cũng dùng thuật này đánh thức thị giả Viễn. Viễn làm thị giả Vân Môn mười tám năm, mỗi khi tiếp Viễn, Vân Môn đều gọi:

- Thị giả Viễn!

Viễn đáp:

- Dạ!

Vân Môn bảo:

- Ấy là gì?

Cứ như thế đến mười tám năm, Viễn mới ngộ. Vân Môn bảo:

- Nay ta mới không gọi người nữa.

Mỗi lần gọi liền dạ, tại sao Viễn không ngộ? Vậy mười tám năm đó, Viễn ở đâu mà không ngộ? Rồi khi ngộ nó ở đâu chạy tới? Quả thực chính mình đang sống trong đó mà tự mê thôi. Nếu ngay tiếng gọi ban đầu liền quên tiếng chột nhớ lại là xong, đâu nhọc Vân Môn mười tám năm gọi mãi!

Bởi vậy, Thiên tông quá sức thực tế, không chỉ xa xôi, không giải thích chữ nghĩa rườm rà, mà chỉ thẳng lẽ thật sát bên mình, ngay nơi mình đang sống. Do đó, điều mọi người tưởng là phi thường, lại chính là điều rất bình thường đến nỗi bất ngờ.

Như việc Quốc sư Huệ Trung gạn Tam Tạng Đại Nhĩ về tha tâm thông.

Lần thứ nhất Quốc sư bảo:

- Ông hãy nói, hiện giờ lão tăng đang ở đâu?

Tam Tạng đáp:

- Quốc sư là thầy một nước, sao lại đến Tây Xuyên xem dò đưa!

Lần thứ hai Quốc sư hỏi:

- Ông hãy nói, hiện giờ lão tăng đang ở đâu?

Tam Tạng đáp:

- Hòa thượng là thầy một nước sao lại đến cầu Thiên Tân xem khi giờ!

Lần thứ ba Quốc sư bảo như trước. Tam Tạng lặng im chẳng biết chỗ đi,

Quốc sư nạt:

- Cáo tinh! Tha tâm thông ở đâu?

Sau này có vị tăng đem ra hỏi ngài Triệu Châu:

- Lần thứ Tư Quốc sư ở đâu mà Tam Tạng không thấy?

Triệu Châu đáp:

- Ở trong lỗ mũi Tam Tạng.

Ai thấy lần ba Quốc sư ở đâu mà Tam Tạng chẳng thấy? Quả thật không có ở đâu cả, chính vì Tam Tạng lo tìm ở đâu nên không thấy. Lời Triệu Châu đáp rất ý vị, bởi nó quá gần, quá xác thực nên Tam Tạng không ngờ tới được. Nếu ngay đó hỏi ở đâu? Tam Tạng liền thoi một thoi hoặc vỗ vai Quốc sư một cái, liền biết ở đâu ngay, khỏi bị quở là cáo tinh.

Trước kia, vua Lương Võ Đế cũng từng đối trước Tổ Bồ Đề Đạt Ma làm qua chỗ này. Vua hỏi Tổ Đạt Ma:

- Đồi trâm là ai?

Tổ Đạt Ma đáp:

- Chẳng biết.

Vua mờ mịt, đành để Tổ đi qua đất Ngụy. Chính vua đang đối diện Tổ đó, mà còn hỏi là ai, thì biết nói sao đây? Nên Tổ đành bảo: - Chẳng biết! Đó là đánh thức vua đang hiện tiền sáng ngời đây! Tiếc thay, vua vẫn còn đang mở mắt chiêm bao nên để làm qua một cách đáng thương! Nếu rõ ra, thì NÓ ĐÂY rồi! Không phải tìm đâu nữa. Mới hay, lâu nay mình đã lầm tưởng!

Kia Thạch Củng một hôm cùng với Trí Tạng đi dạo chơi, Sư hỏi Trí Tạng:

- Sư đệ biết bắt hư không chăng?

Trí Tạng đáp:

- Biết bắt.

Sư hỏi:

- Làm sao bắt được ?

Trí Tạng lấy tay chụp hư không

Sư nói:

- Làm thế ấy đâu bắt được hư không?

Trí Tạng hỏi:

- Sư huynh làm sao bắt?

Sư liền nắm mũi Trí Tạng vặn mạnh. Trí Tạng đau quá la lên:

- Giết chết lỗ mũi người ta! Buông ngay!

Sư bảo:

- Phải làm như thế mới bắt được hư không.

Đây là Thạch Củng khéo léo đánh thức cái đang hiện hữu nơi Trí Tạng. Ngay khi Thạch Củng nắm mũi Trí Tạng vặn mạnh, Trí Tạng kêu đau, la lên, thì hết chạy đâu khỏi! Cái đó không hình tướng gì, nhưng sao biết kêu đau? Ngay đó bị nắm rồi!

Và đây, Thiên sư Thạch Thê, một hôm hỏi thị giả:

- Ông đi đâu?

Thị giả thưa:

- Con đi lên trai đường.

Sư bảo:

- Ta đâu không biết ông đi lên trai đường?

Thị giả thưa:

- Trừ ngoài việc này, riêng nói cái gì?

Sư bảo:

- Ta chỉ hỏi việc bốn phận của ông.

Thị giả thưa:

- Nếu hỏi việc bốn phận, con thật đi lên trai đường.

Sư bảo:

- Ông quả thật là thị giả của ta!

Thiền sư Thạch Thê muốn gạn xem thị giả có đang sống ngay thực tại hiện tiền không. Thấy đi lên trai đường thì Sư biết rồi, nhưng hỏi đi đâu, xem thị giả có theo câu hỏi mà mắt mình chẳng? Thị giả đáp: “Đi lên trai đường” Sư gạn lại: “Ta vốn biết ông đi lên trai đường rồi, nhưng ta muốn hỏi cái gì đi kia? “ Nếu người còn niệm kia đây ắt mắc kẹt ngay. Thị giả khéo thấy, nên đáp: “Trừ ngoài việc này, còn riêng có việc gì khác nữa để nói?” Đâu thể có thêm cái thứ hai nữa! Tuy biết vậy, Sư gạn thêm cho tột: “Ta chỉ hỏi việc bốn phận của ông thôi”, không hỏi việc đi lên trai đường. Nếu thị giả không có sức sống thực tại hiện tiền, hẳn bị ngôn ngữ của Sư đánh lừa đi vào con đường khác rồi! Thị giả vẫn trước sau không rời một bước đáp: “Nếu hỏi việc bốn phận, con thật đi lên trai đường”. Rõ ràng việc bốn phận cũng chính ngay đó thôi, đâu thể có thêm cái khác nữa. Đây này, đi lên trai đường mà đi rõ ràng chưa từng mê, thì đó là ai? Còn ai xen vào trong đó để đi? Chỉ một “chút xíu này” mà người người tự làm mê, đành chạy lăng xăng hết kiếp này sang kiếp khác, luân hồi mãi mãi quên mất cả đường về. Trong khi đó, đường về vẫn ở ngay trước mắt!

Ôi! Một lẽ thật rất rõ ràng, hết sức gần gũi, cốt người phải dám buông sạch mọi khái niệm đã chứa sẵn trong đầu đi. Chính bao nhiêu khái niệm trong đầu đó, nó che mờ khiến người không nhớ được. Triệu Châu từng hỏi Ngài Nam Tuyền: - Thế nào là đạo? Nam Tuyền đáp: - Tâm bình thường là đạo. Rất đơn giản, đạo không là cái gì cao xa, lạ lùng, kỳ bí như nhiều người tưởng, trái lại chỉ là “tâm bình thường”, sạch hết mọi khái niệm trong đó, thì ngay đây tỏ rõ sáng ngời!

Chính ngài Đại Mai khi đến Mã Tổ hỏi:

- Thế nào là Phật?

Mã Tổ đáp:

- Tức tâm là Phật

Sư liền tỏ ngộ, về núi sống mãi không tìm kiếm gì thêm. Ngày nay, tại sao chúng ta nghe hoài câu này mà vẫn không ngộ, không sáng? Đâu có gì lạ, bởi trong đầu chúng ta đã chứa quá nhiều khái niệm, vẫn kẹt nơi chữ “Tức”, cũng như chưa quên được hai chữ “Tâm” và “Phật”. Còn thấy có “tức”, là còn y nguyên có “tâm”, có “Phật”, chữ nghĩa vẫn còn trong đầu, làm sao ngộ? Tổ Lâm Tế từng bảo: “gặp Phật giết Phật, gặp Tổ giết Tổ, gặp La Hán giết La Hán v.v...”, phải sạch hết mọi khái niệm phàm thánh trong lòng, thì chính ngay đây “người nào đang nghe pháp rõ ràng đó?” Người nào đang phóng quang rọi từng chữ, từng chữ đây? Tóm lại, Thiền chân thật là “ở ngay đây”, “tại lúc này đây”, không có ở đâu khác. Chỉ cần bật niệm kia đây thì mười phương ở ngay trước mắt, xưa nay chưa từng che giấu bao giờ.

Để tóm tắt lại ý nghĩa trên, chúng ta hãy lắng nghe đoạn nhân duyên Đại Phu Lục Hoàn hỏi Hòa thượng Nam Tuyền:

Người xưa có nuôi một con ngỗng trong cái bình, ngỗng càng ngày càng lớn lên không thể ra khỏi. Giờ đây chẳng được đập bể cái bình, chẳng được giết chết con ngỗng, Hòa thượng làm sao cho ngỗng ra khỏi Nam Tuyền liền gọi to: Ngay đó ông tỏ ngộ, lễ bái.

Nghe nói con ngỗng trong bình, bị cái khái niệm đó trói cột, tức lo suy tìm cách ra, đó là mê. Không ngờ, một tiếng gọi, liền dạ, vốn tự ra rồi, **NÓ VẪN SẼN Ở ĐÂY!**



TÂM AN TÂM

I. YẾU CHỈ MẬT TRUYỀN

Yếu chỉ thiền tông thầy truyền cho trò là “lấy tâm an tâm”, không dùng một pháp khác từ bên ngoài. Dù có đánh, có hét, dù nói trái tai, nói thô bạo, nói nghịch lý v.v... chỉ là phương tiện cởi mở tinh chấp cho người, chỗ rốt ráo vẫn là “một tâm in nhau” mà thôi. Người học chưa thông cảm đến chỗ này, là còn đứng ngoài cửa, dù kiến giải chứa đầy trong đầu.

Tuyết Phong hỏi Đức Sơn:

- Việc trong Tông thừa từ trước, con có phần chăng?

Đức Sơn liền đánh cho một gậy bảo:

- Là cái gì?

Tuyết Phong như thùng lủng đáy. Hôm sau, Đức Sơn thượng đường bảo:

- Tông ta không lời nói, không một pháp cho người.

Như vậy là lấy gì truyền, lấy gì nhận? Tuyết Phong hỏi: “Việc trong Tông thừa từ trước, con có phần chăng?” là nghi mình không có hay sao? Cho nên Đức Sơn liền đập thẳng vào trong ấy, khiến tỉnh lại là xong. Quả thật Tuyết Phong ngay đó hết chỗ bám. Nếu người cứ mong chờ có một pháp để truyền trao cho mình nhận, hoặc thấy mình thật có nhận được một pháp từ bên ngoài, dù pháp đó cao siêu đến đâu, vẫn là người còn trong mộng.

Chính đoạn nhân duyên thiền, Phật đưa cành hoa sen giữa đại chúng, tất cả đều im lặng, khi Phật nhìn đến Tôn giả Đại Ca Diếp. Tôn giả cảm thông với cái nhìn của Phật liền mỉm cười, Phật liền truyền pháp, phó chúc cho Tôn giả, tin tức mật truyền tâm ấn đã tỏ lộ trong ấy. Ngày nay, nhiều người nghiên cứu lịch sử nghi ngờ, cho đây là đoạn kinh giả, không có sự thật lịch sử, mà quên rằng kinh văn thì có thể nói giả, và cũng hẳn là giả vì thuộc văn tự, nhưng ý sâu trong ấy vốn vượt ngoài chữ nghĩa, còn gì nói giả, nói thật? Người học thiền hay học Phật chân chánh, không phải học ở mấy hàng chữ ghi lại trên giấy mực kia, mà phải học “ý sống không thể nói” kia! Bám theo chữ nghĩa, phân tích câu lời thì muôn đời không thể hiểu thấu được Thiền chân thật. Thiền sư Tĩnh Niệm ở chỗ Hòa thượng Phong Huyệt đã thâm đạt ý này, ngài Phong Huyệt liền truyền pháp kế thừa tông Lâm Tế.

Sư ở trong hội Phong Huyệt làm tri khách. Một hôm, Sư đứng hầu, Phong Huyệt rơi nước mắt nói với Sư:

- Bất hạnh! Đạo Lâm Tế đến ta sắp chìm lặng mất!

Sư thưa:

- Xem trong cả chúng này đâu không có người kế thừa Hòa thượng?

Phong Huyệt bảo:

- Người thông minh thì nhiều, kẻ thấy tánh thì ít.

Sư thưa:

- Như con, Hòa thượng xem thế nào?

Phong Huyệt bảo:

- Ta tuy trông mong ở người đã lâu, vẫn e ngại đấm mền kinh này không thể buông rời (Su thường thăm tụng kinh Pháp Hoa, nên được hiệu Niệm Pháp Hoa).

Su thưa:

Việc này có thể làm được, mong nghe yếu chỉ ấy.

Phong Huyệt thượng đường, nhắc lại việc Thế Tôn dùng con mắt như hoa sen xanh nhìn đại chúng, bèn hỏi:

- Chính khi ấy, hãy bảo là nói cái gì? Nếu bảo chẳng nói mà nói lại là chôn vùi Thánh trước. Hãy bảo: nói cái gì?

Su bèn phui áo đi ra. Phong Huyệt ném cây gậy trở về phương trượng. Thị giả chạy theo sau thưa:

- Niệm Pháp Hoa nhân gì chẳng đáp lời Hòa thượng?

Phong Huyệt bảo:

- Niệm Pháp Hoa đã lãnh hội.

Hãy chú ý! Ngay khi Thế Tôn đưa mắt thanh tịnh như hoa sen xanh nhìn đại chúng, chính khi ấy là nói cái gì? Và Thiền sư Tinh Niệm đã lãnh hội chỗ nào? Yếu chỉ này vốn không nằm ở câu chuyện xa xưa, cũng không ở mấy dòng chữ kia, mà chính ở ngay người đang đối diện đây! Tiếc thay, bao người cứ lo phân tích trên câu chuyện, quên mất ánh sáng đang hiện hữu!

Ở Việt Nam, Vua Trần Thánh Tông từng cảm nhận ý này và đã tỏ bày trong đoạn pháp ngữ: *“xưa nay nói một câu rớt sau mới đến lao quan. Ba đời chư Phật bốn mắt nhìn nhau, sáu đời Tổ Sư có phần thối thân. Những người tham học hiện nay trọn nhằm trong câu tham lấy, lại hỏi các ông, nhằm trong câu làm sao tham?”*

Chư Phật quá khứ, hiện tại, vị lai chỉ ở trong chỗ bốn mắt nhìn nhau đó, chớ tìm ở trong câu này câu nọ, chớ giành giật, tranh cãi ở trên cành hoa sen, hẳn không dính dáng!

Về sau, Thiền sư Chân Nguyên, người trung hưng dòng Thiền Trúc Lâm Yên Tử cũng chính mình chứng nghiệm việc này. Su đến tham vấn Thiền sư Minh Lương ở chùa Vĩnh Phúc núi Côn Cương và hỏi:

- “Bao năm đồn chứa ngọc trong đẫy, hôm nay tận mặt thấy thế nào”, là sao?

Thiền sư Minh Lương đưa mắt nhìn thẳng vào Su, Su nhìn lại liền cảm ngộ, sụp xuống lạy. Chính vì cảm sâu ý này nên về sau Su soạn quyển “Trần Triều Thiền Tông Chỉ Nam Truyền Tâm Quốc Ngữ Hành” nói gọn là “Thiền Tông Bản Hạnh”, Su đã nhắc đi nhắc lại ý này đến bảy lần:

Đoạn 1:

Tứ mục tương cố nhãn đồng

Thầy tớ trao lòng, dâng chúc giao huy.

Nghĩa là: Bốn mắt nhìn nhau đồng trong con mắt ấy. Thầy trao lòng, ấn tâm cho trò ngay trong ấy, đèn đuốc xen nhau rọi sáng trong ấy, khỏi tìm đâu khác.

Đoạn 2:

Tam thế chư Phật Tổ Sư,

Tứ mục tương cố thị cừ thiên cơ.

Nghĩa là: chư Phật, chư Tổ trong ba đời vốn hiển bày cơ thiên sâu xa ngay trong chỗ “bốn mắt nhìn nhau ấy”...

Tiếp trong bài Ngô Đạo Nhân Duyên của Sư có đoạn:

*Nhất điểm tâm đăng Phật nhãn sinh,
Tương truyền tứ mục cố phân minh.
Liên phương tục diệm quang vô tận,
Phổ phó thiên lâm thọ hữu tình.*

Nghĩa:

*Một ngọn đèn tâm mắt Phật sinh,
Truyền nhau “bốn mắt ngó” rành rành.
Tiếp thơm nối lửa sáng sáng mãi,
Trao khắp thiên lâm phó hữu tình.*

Mắt Phật sinh ngay trong ngọn đèn tâm chớ không đâu khác. Đời đời truyền nhau không dứt, chính từ trong chỗ bốn mắt nhìn nhau đó! Nhà Thiền thâm trao, mật phó cho người là trao phó ngay trong ấy thôi.

Như vậy, “bốn mắt nhìn nhau” có gì đặc biệt trong ấy mà nói đó là thiên cơ, là mật truyền? Trong đây, nếu nói rõ hơn là: “Mắt mắt nhìn nhau, tâm tâm trực tiếp với nhau không qua trung gian cái gì,” yếu chỉ “tâm ấn tâm” quá rõ ràng còn nghi ngờ gì?

Kìa, Thiền sư nhìn thẳng vào mắt mình, mắt mình đối diện thẳng với Thiền sư, cái gì thâm cảm trong cái nhìn ấy? Chỗ này ngôn ngữ làm sao nói đến? Trong đó vừa khởi niệm là rơi bên ngoài xa tít rồi! Thiền sư truyền tâm là đó!

* Sùng Tín đưa đèn thối tắt:

Một đêm Tuyên Giám đứng hầu Thiền sư Sùng Tín. Sùng Tín bảo:

- Đêm khuya sao chẳng xuống đi?

Sư kính chào đi ra, rồi trở vào thưa:

- Bên ngoài tối đen.

Sùng Tín thắp đèn cây đưa cho Sư. Sư vừa định giơ tay tiếp lấy, Sùng Tín liền thối tắt. Ngay đó, Sư đại ngộ, liền lễ bái.

Đây là một đoạn nhân duyên truyền tâm tuyệt diệu, nhưng người học thiền thường được nghe nhắc tới nhiều lần khiến thành cái khuôn khái niệm hiểu biết trong đầu nên thấy là thường, là cũ. Chính Sùng Tín đưa đèn là ngầm kêu gọi sức sống hiện tiền nơi Tuyên Giám, nên Tuyên Giám liền đưa tay ra tiếp lấy. Vừa giơ tay ra tiếp, sức sống ấy đã lộ bày, đầu cần phải bám vào cây đèn bên ngoài kia làm gì, nên Sùng Tín liền thối tắt, để cho đèn Tuyên Giám tự cháy. Tức ngay đó Sùng Tín đã truyền thẳng vào tâm Tuyên Giám rồi. Và Tuyên Giám quả nhiên đã chín muồi, liền tiếp ngay không qua cây đèn. Nói đúng hơn, tâm Tuyên Giám đã in thẳng tâm Sùng Tín, mất dấu cả hai tâm, do đó Tuyên Giám bừng sống dậy, vượt qua ông thầy. Nếu ngay lúc đó, tâm Sư còn chứa chút niệm đây là thầy, đây là mình, ắt đã lâm qua mất rồi! Quả thật đèn Sùng Tín đã được thối tắt đúng lúc và đèn Tuyên Giám cũng cháy đúng lúc. Ai thấy đèn Tuyên Giám cháy thế nào?

Vừa nghĩ ngợi, đã bị Sùng Tín lấy mật đi rồi.

* Vân Môn gọi Thị giả Viễn:

Thiền sư Trùng Viễn ở Hương Lâm, lúc còn ở trong hội Vân Môn, Sư làm thị giả mười tám năm, Vân Môn khi tiếp Sư đều gọi:

- Thị giả Viễn!

Sư đáp:

- Dạ!

Vân Môn bảo:

- Ấy là gì?

Như thế đến mười tám năm Sư mới ngộ, Vân Môn bảo:

- Nay ta mới thôi gọi người nữa.

Ai thấy gì chẳng? Mười tám năm mỗi lần Vân Môn gọi là mỗi lần đã mật truyền cho thị giả Viễn, nhưng tiếc thay thị giả Viễn còn “theo tiếng gọi quên mình” đành để lâm qua. Cuối cùng, một “tiếng gọi” đúng ngay “kẻ dạ”, tâm truyền tâm, thầy trò thâm cảm thông nhau, người ngoài không thể thấy được. Chính đây trước kia Tổ Ca Diếp gọi A Nan, mạch sống thiền tông một đường thông suốt. Đây gọi là việc trong nhà cha con dạn dò nhau, không phải chỗ cho kẻ bàng quan dòm lén, huống nữa sanh tâm bàn tán lăng xăng càng không dính dáng.

II. VƯỢT QUA NHỮNG PHƯƠNG TIỆN, HÝ LUẬN

Đã là “đem tâm ấn tâm”, hẳn người học phải dọn tâm sẵn sàng, tháo gỡ mọi chỗ dính mắc, không dừng trên bất cứ phương tiện nào, dù lời nói cao siêu, thủ thuật đặc biệt. Cần rõ, hễ có lập bày ra đều chưa phải thật, chớ lầm!

Hoài Hải đứng hầu Mã Tổ, Sư thấy cây phát tử dựng ở góc giường bèn hỏi:

- Tức đây dùng hay lia đây dùng?

Mã Tổ bảo:

- Về sau người mở miệng sẽ lấy cái gì vì người?

Sư cầm cây phát tử dựng đứng. Mã Tổ bảo:

- Tức đây dùng hay lia đây dùng?

Sư để cây phát tử trở lại chỗ cũ, Mã Tổ nghiêm chỉnh nạt một tiếng, đến ba ngày Sư còn điếc tai.

Dựng phát tử lên, đó cũng là phương tiện chưa phải lý thật. Nhắm trên đó mà nói “tức” nói “lia” cũng là hý luận. Dù người hiểu được mà chưa quên chỗ hiểu vẫn kẹt trên cây phát tử. Một tiếng nạt, ba ngày điếc tai, hết còn chỗ để nhớ để hiểu! Thiền sống là chỗ đó! Chính vì vậy, sau này Sư truyền cho Hoàng Bá, rồi Hoàng Bá tiếp Lâm Tế một mạch sống thiền không thể nghĩ bàn ấy. Lâm Tế đến hỏi, Hoàng Bá chỉ đánh và đánh tới, đánh cho hết chỗ bám, hết chỗ đại ý Phật pháp, hết chỗ lỗi phải, cuối cùng chuyển cán gậy vào tay chính mình. Nếu còn ở trên cây gậy sanh hiểu, còn ở trên câu Phật pháp sanh hiểu là còn bị đánh! Hay thay! Hay thay! Lâm Tế sẵn sàng vượt lên, nên Đại Ngu khơi nhẹ liền nhảy qua, “Phật pháp của Hoàng Bá rất ít”, không có gì nhiều để hiểu!

Thiền sư Tĩnh Niệm ở Thủ Sơn, một hôm giơ cây trúc bè lên bảo:

- Gọi là trúc bè thì chạm, chẳng gọi trúc bè thì trái, gọi là gì?

Qui Tĩnh chụp cây trúc bè ném xuống đất, nói:

- Là cái gì?

Sư bảo:

- Mù!

Qui Tĩnh hoá nhiên đốn ngộ.

Trong đây, Thiền sư giơ trúc bẻ lên, là phương tiện khai thị, nhưng không cho người bám trên đó mà hý luận, mà sanh hiểu, đây là thủ thuật truyền tâm của Thiền sư. Người mê cứ bám trên cánh cửa các ngài đưa ra đó mà tạo kể sống, sanh kiến giải thiên đạo, quả là không dính dáng. Người sáng mắt, cốt phải thấu qua trước khi giơ trúc bẻ lên kia! Nó vẫn sẵn đây rồi, còn nói gì là trái chạm?

III. LẠNH NÓNG TỰ BIẾT

Đã nói tâm ấn tâm, tức tâm tâm in nhau thì trong đó chỉ tâm tâm tự thâm biết, người ngoài không thể dòm lén.

Có vị tăng hỏi Thiền sư Quảng Trùng:

- Thế nào là người xưa nay?

Sư đáp:

- Ngồi chung mà chẳng biết nhau.

Tăng thưa:

- Thế ấy thì học nhân lẽ tạ vậy.

Sư bảo

- Thâm viết lòng buồn biết gởi cho ai?

Muốn biết người xưa nay, thì đây “Ngồi chung mà chẳng biết nhau”. Người ngoài làm sao hiểu nổi? Trong ấy ông muốn lẽ tạ nhưng cũng không có chỗ cho ông lẽ. “Thâm viết lòng buồn biết gởi cho ai?” Đó là chỗ tự chứng tự biết thôi, không thể trông cậy vào bên ngoài.

Ngưỡng Sơn hỏi Thiền sư Hồng Ân ở Trung Ấp:

- Làm sao thấy được nghĩa Phật tánh?

Sư đáp:

- Ta vì ông nói một thí dụ: “như một nhà có sáu cửa, trong có một con khi, ngoài có một con khi đến bên Đông kêu: Chóe! Chóe! Bên trong liền: Chóe! Chóe! đáp lại, sáu cửa đều kêu thì đều đáp như thế.”

Ngưỡng Sơn lẽ tạ thưa:

- Vừa rồi nhờ Hòa thượng thí dụ, con đều biết rõ, nhưng có một việc: Ví như con khi ở trong ngủ, con khi ở ngoài muốn gặp phải làm sao?

Trung Ấp liền bước xuống giường thiền nắm tay Ngưỡng Sơn bảo:

- Chóe! Chóe! Cùng ông thấy nhau rồi! Ví như con trùng tiêu mình làm tổ trên mí mắt con muỗi, nhằm giữa ngã tư đường kêu to: “Đất rộng người thưa, tri âm rất ít”

Chỗ “chóe chóe” ta cùng ông thấy nhau rồi, mấy ai biết được? Ai là tri âm để nhìn thấu trong đó mà cùng gặp Trung Ấp và Ngưỡng Sơn? Quả là “thâm viết lòng buồn biết gởi cho ai?” Chữ “Ai” này sao mà nghe nó thiết tha, nó thấu xương tủy thế kia!

Tuy vậy, nói lạnh nóng tự biết cũng chưa phải là chỗ tốt. Thiền sư Pháp Diễn lúc đầu học luận Duy thức, nhân Sư nghe Bồ tát khi vào kiến đạo thì trí cùng lý hợp, cảnh cùng thân hội, chẳng phân năng chứng sở chứng. Ngoại đạo ở Ấn Độ

thường nạn vấn các Tỳ kheo rằng: - Đã chẳng phân năng chúng sở chúng, lại lấy cái gì làm chúng? Tỳ kheo không đáp được. Ngoại đạo chê bai không đánh chuông trống, chúng lại mặc ca sa. Khi Pháp sư Huyền Trang sang Ấn Độ đã cứu được nghĩa này rằng: - “Nhu người uống nước, lạnh nóng tự biết.” Từ đây giải được nạn này. Pháp Diễn nghe thế tự hỏi: - “Lạnh nóng ắt là biết vậy, nhưng thế nào là việc tự biết?” Sư liền đem thưa hỏi với thầy dạy: “ - Chẳng biết lý tự biết như thế nào?” Vị thầy không giải được, chỉ khuyên rằng:

- Người muốn rõ lẽ này nên đến phương Nam thưa hỏi những vị truyền Phật tâm tông.

Sư bèn mang hành lý sang phương Nam.

Đây là điểm đặc biệt của Thiền sư Pháp Diễn. Nói lạnh nóng tự biết, nhưng thế nào là chỗ tự biết? Mỗi người phải có chỗ tự sống dậy, không thể chết trên ngôn từ của người xưa. Nghe qua tưởng hiểu nhưng thật chưa phải tự hiểu. Nghe nói “lạnh nóng tự biết” rồi bị người gạn hỏi không thể trả lời được, cũng bất chước bảo “lạnh nóng tự biết” để cho qua, đây là giống thì giống mà phải thì chẳng phải. Cần thực sự chính mình khám phá ra chỗ “tự biết” đó, bằng chính ánh sáng trí tuệ của mình mới không hổ thẹn. Phật pháp sống mãi trên thế gian này là gốc từ đây. Thiền, không thể xuyên tạc được cũng gốc từ đây. Ngôn ngữ không bao giờ với tới!

IV. XÁC ĐỊNH CON ĐƯỜNG GIÁO NGOẠI BIỆT TRUYỀN, BÁT LẬP VĂN TỰ

Với yếu chỉ “tâm ấn tâm”, thiền xác định con đường mình đi là trực tiếp đi thẳng vào tâm người, vượt qua giáo nghĩa, văn tự đã lập bày. Tâm thầy thẳng vào tâm trò như bốn mắt nhìn nhau, mắt đối mắt không nói nên lời. Đến đây là bật dấu vết của tâm, không chỗ để nghĩ. Nhưng chính chỗ không thể nghĩ, đấy là chỗ **ẤN TÂM**.

Và đây, Đại Đô An đến gặp Thiền sư Kiệt Phong Anh, Anh liền hỏi:

- Giảng chủ thường ưa giảng kinh gì nhất?

An đáp:

- Kinh Kim Cương và đã từng tỉnh ngộ qua câu “không từ đâu đến cũng chẳng đi về đâu”

Anh bảo:

- Nếu không đến không đi, sao ông đến đây được?

An đáp:

- Thì chính là người không đến đi đó thôi.

Anh bảo:

- Ngay đây người đó ở đâu?

An trả lời bằng một tiếng hét!

Anh bảo:

- Thôi hãy gác qua chuyện hét và thôi, khi bốn đại rã rời sẽ đi về chỗ nào để an thân lập mạng?

An đáp:

- Khấp côi đất này, cái ấy không phải chính ta ư?

Anh bảo:

- Bỗng gặp thời kiếp hỏa, lửa bùng cháy, đốt tiêu cả Đại thiên thế giới, lúc đó ông ở đâu?

An đáp:

- Không biết.

Anh bảo:

- Lục Tổ vì cái “không biết” đó mà đi bửa củi, nấu cơm; Bồ Đề Đạt Ma vì cái “không biết” đó mà ngồi quay mặt vào vách chín năm, còn ông nói “không biết”, vậy ông thấy cái gì?

An đáp:

- Tôi chỉ nói: “Không biết”

Anh bảo:

- Gã mù! Mời ngồi uống trà đi!

Thiền sư Anh muốn gạn “người không đến đi” nơi Đại Đô An, nhưng cuối cùng cũng không gạn ra chỗ nơi. Đại Đô An có chỗ thấy, vượt qua mọi ngôn ngữ sai biệt, không để lộ dấu vết cho tâm khác xen vào. Tuy nhiên, một cái “không biết” của Sư rất dễ làm người. Kẻ bắt chước, khi bị gạn hỏi, trả lời không được, cũng đáp “không biết” thì sao? Thật, giả làm sao phân biệt? Do đó Thiền sư Anh gạn cho tới cùng xem cái “không biết” của Sư từ đâu phát ra. Rõ ràng Sư tự có chỗ sống, không lệ thuộc bên ngoài, nên trả lời xác quyết vững vàng: “chỉ nói không biết”, khỏi thêm gì nữa! Người chưa đến được trong ấy hẳn không thể hiểu nổi. Tuy nhiên, với Thiền sư Anh thì tự thấy thâm hợp với chính mình, bèn ấn chứng khéo. Bảo: Gã mù! Nhưng lại: mời uống trà! Trong ấy hai người tự cảm thông nhau, mặc cho kẻ bàng quan đứng bên ngoài khởi thắc mắc. TÂM AN TÂM là đấy!





Tháp Thiên sư Chân Nguyên tại Chùa Lân – Thiên Viện Trúc Lâm Yên tử.

TỔ AN

Ô kìa!

*Trên hội Linh Sơn một cành hoa,
Tổ Tổ nói hoài vẫn chẳng hết.
Yếu chỉ trong đây vẫn còn nguyên,
Người người cứ đuổi theo câu chết.
Trên lịch sử cãi nhau inh ỏi,
Moi móc tìm thật giả, có không.
Thành một trường tranh đua chữ nghĩa,
Đâu biết rằng còn cách môi răng.*

Này bạn nhé!

*Tổ Ân đâu nằm ở cành hoa?
Ca Diếp mỉm cười vẫn chuyện xưa.
Nếu theo trong đó suy tìm thật,
E đã bị người dẫn đi xa.*

Ôi đáng tiếc!

*Chính mình còn chưa thấu,
Lại bị chữ nghĩa chôn.
Nhốt mình trong khái niệm,
Đầu óc đóng thành khuôn.*

Phải vuron lên

*Buông lại đằng sau bao khái niệm,
Phá tan lòng bẫy vẫn từ chết.
Vượt hẳn chuyện xưa sách vở ghi,
Xem lại mặt mình đâu diệu quyết?*

Ồ!

*Một mạch từ xưa Phật Tổ truyền,
Ca Diếp mỉm cười lộ ý thiêng.
Chín năm ngồi lặng chờ ai đó?
Một phát Thần Quang nhỏ góc huyền.*

Từ đây,

*Các duyên đà dứt sạch,
Còn đâu nữa bạn bè?
Rõ ràng thường có mặt,
Ngôn ngữ hết đường nghe.*

Cứ thế,

*Sức sống mãi chảy tuôn,
Tào Khê tiếp một nguồn.
Và tràn ra khắp chốn,
“Đâu ngờ” rực sáng luôn.
Giang Tây tâm hiện khắp,
Thạch Đầu thẳng sạch tron.*

*Năm tông và bảy phái,
Một ấn tại tâm đồng.*

Quả thật!

*Ý Tổ ai biết được?
Nghĩ suy cách đất trời.
Đáp anh còn xa tít,
Huống chi chuyện cũ rồi!*

Tuy vậy,

*Nếu hay tâm mới mẻ,
Buông sạch khuôn trong đầu.
Thấy nghe hằng như thật,
Chỗ nào chẳng Tổ sư?*

Bởi thế,

*Trúc Lâm trên đất Việt,
Núi thiêng Yên Tử này.
Soi lại chính mình đây!
Dòng thiền tiếp chảy ngay.*

Ai bảo,

*Việt Nam không có Tổ?
Tổ ở nơi xứ nào?
Chỉ tâm ta tỏ ngộ,
Ấn Tổ tức in nhau.
Nếu còn chia Nam Bắc,
Phân Đông độ, Tây thiên.
Ta có, người không có,
Biết ngay chưa sống thiền.*

Thế mới biết!

*Dù nay đời xa cách,
Phật Tổ đã từ lâu.
Tâm thiền vẫn không cách,
Tổ Ấn vẫn lâu lâu.
Yên Tử nay còn đó!
Trúc Lâm vẫn tiếp nhau.
Dòng thiền trôi suốt mãi,
Ánh sáng Tổ tuôn trào!*

Hãy tin chắc!

*Từ đây tốt về sau,
Dù thế gian biến đổi.
Kiếp hỏa có cháy tiêu,
Tâm thiền hằng bất hoại!
Vui thay Tổ ấn này!
Bao đời mới được gặp.
Nguyện sống vững không lay,*

Truyền luôn không cùng, khắp ...!

Trúc Lâm 2002



LỜI BẠT

Đây rồi! Từ lâu ta đã tìm nó, tìm khắp trong kinh điển, trong lời Phật, lời Tổ, trong điện Phật, trong Thiên đường, trong những cơn Thiên định nhưng đều không thấy nó đâu cả. Sao lạ vậy? Có lẽ nào Phật Tổ dối lừa ta?

Lục Tổ từng bảo Nam Nhạc – Hoài Nhượng: “Chính cái chẳng nhiệm ô này là chỗ chư Phật thường hộ niệm, ông đã như thế, ta cũng như thế.”

Như thế là sao? Quả là một bức tường sắt không thể nào thấu qua, vào được. Song vẫn có cái gì đó ở đằng sau thu hút không thể bỏ qua.

Thiền sư Quảng Trí có câu:

Nam nhi tự hữu xung thiên chí
Huru hướng Như Lai hành xứ hành

Tạm dịch:

Làm trai có chí xông trời thăm
Thôi giẫm Như Lai dấu đã đi.

Nghĩa là, mình phải có chí quyết mạnh mẽ, vượt lên tất cả mọi chướng ngại, tự mở một lối đi sáng sửa, không đạp theo dấu vết xưa cũ đã chết. Phải có một sức sống vươn lên, lẽ nào chịu đóng khung trong cái khuôn cũ mòn? Người xưa cũng là người mà đã làm được, nay ta cũng là người hẳn cũng phải làm được, đâu thiếu thốn gì?

Kia, Thê Tôn từng bảo: “Ta học đạo không thầy,” vậy nó ở đâu? Đây là một điểm ý vị không thể thông qua trên văn từ chữ nghĩa. Ngài học đạo không thầy mà tự giác ngộ, thì quả là không thể tìm đâu khác từ bên ngoài. Bao năm tìm kiếm, khổ hạnh nhọc thân, cuối cùng đành buông hết, ngồi thiền lặng lẽ dưới cội tất - bát - la. Lúc này đâu còn ý lại, trông vào cái gì khác nữa? Sao mai mọc, liền thành đạo Vô thượng Chánh đẳng Chánh giác, vậy trước đó nó ở đâu? Bốn mươi chín ngày ngồi im lìm đó, tại sao không thấy? Thấy rồi lại do dự không muốn nói cho người, ý gì vậy?

Rồi đưa cành hoa lên, nhìn gặp Ca Diếp mỉm cười, là cười cái gì?

Chúng hội đều im lặng hết, là có hay không?

Ồ, việc này không ở cành hoa, không ở con mắt, không ở cái miệng, chính ngay khi bốn mắt nhìn nhau đó, tâm tâm in rõ, thâm cảm không thể nghĩ bàn. Mắt mắt bắt gặp nhau không qua trung gian bất cứ cái gì! Truyền riêng là truyền chỗ đó! Đâu đợi phải có cho và nhận! Chính thế mà truyền mãi truyền mãi, ngàn muôn ức người, kiếp này qua kiếp nọ vẫn không hết! Chẳng sợ thiếu!

Thiền sư Hành Tư bảo Hy Thiên đem thơ sang Thiền sư Hoài Nhượng và dặn rằng:

- Người đem thơ xong về nhanh, ta có chiếc búa nhỏ sẽ cho người ở núi.

Hy Thiên đem thơ xong trở về thưa:

- Khi đi nhờ ơn Hòa thượng hứa cho chiếc búa, tiện đây xin nhận lấy.

Thiền sư Hành Tư đuổi một chân.

Hy Thiên lễ bái.

Vậy là đã cho cái gì? Và lẽ là lẽ cái gì? Lẽ cái chân duỗi chẳng? Cái chân có gì quý mà lẽ? Ít lâu nó cũng thú sinh thôi! Trước khi duỗi chân nó có hay không? Cần rõ chỗ này!

Có vị tăng đến tham vấn Thiền sư Đạo Nhãn. Sư hỏi:

- Ông tên gì?

Tăng đáp:

- Minh Giáo.

Sư bảo:

- Lãnh hội giáo hay chưa?

Tăng thưa:

- Tùy phần.

Sư dựng nắm tay lên bảo:

- Trên hội Linh Sơn gọi cái này là gì?

Tăng đáp:

- Là Giáo nắm tay.

Sư cười bảo:

- Nếu thế ấy gọi là Giáo nắm tay – Sư liền duỗi hai chân ra bảo: - Cái này là giáo gì?

Tăng không đáp được. Sư bảo:

- Phải chẳng là Giáo bàn chân?

Giơ nắm tay gọi là giáo nắm tay, duỗi chân gọi là giáo bàn chân sao? Đâu biết, ngay khi giơ nắm tay đó, phải thấy thấu qua trước khi giơ kia!

Có thể nói, người người vẫn hằng sống trong đó mỗi ngày, tới lui qua lại, ăn uống ngủ nghỉ trong đó, mà khi hỏi đến liền mê! Đáng thương chưa?

Kìa Nghĩa Huyền mới đó còn mê, thắc mắc lỗi phải, qua một câu nói của Đại Ngu liền đại ngộ, có gì xa cách? Xa cách là bởi lỗi phải đó thôi!

Mới hay, người người vốn đủ, kẻ kẻ sẵn thành, chỉ cần thấy nghe tất cả mà quên duyên không chỗ bám, thì nó vẫn nguyên vẹn là nó, còn ai lừa dối được?

Qui Tĩnh bảo vị tăng: - Có nghe giọt mưa trước thềm chẳng? Tăng liền tỉnh ngộ, làm bài kệ:

Giọt mưa trước thềm

Rành rẽ rõ ràng

Đập nát càn khôn

Liền đó tâm dứt.

Giọt mưa rơi trước thềm, nghe từng giọt từng giọt không sót, có vắng mặt bao giờ? Mỗi giọt mỗi giọt mưa cũng sáng ngời, không chút tối tăm, mờ mịt. Liền đó hư không bật dấu, không một chỗ để tâm đi đến. Tức chỉ một niệm hiện tiền sáng ngời đây thôi.

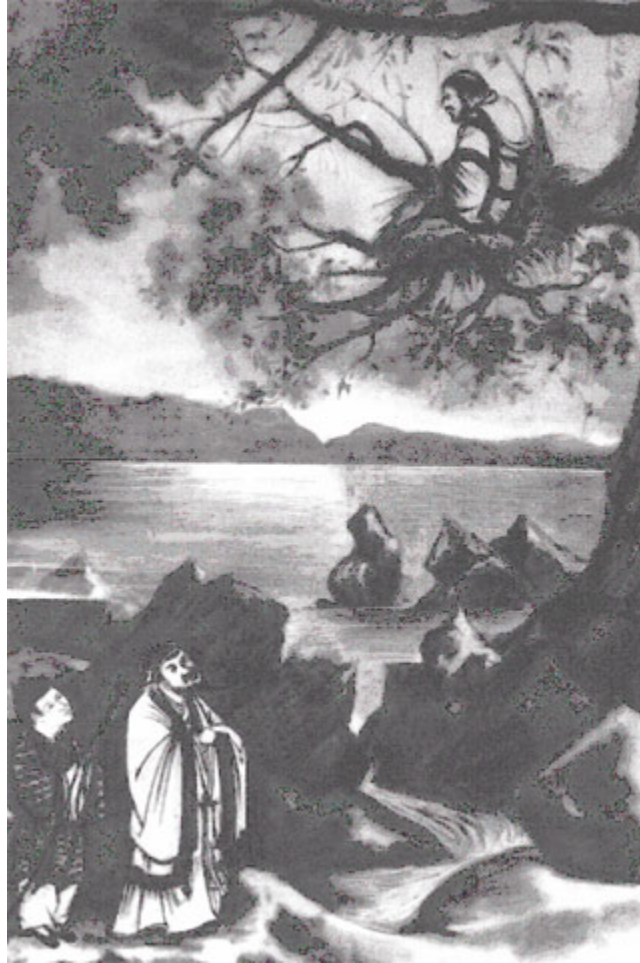
Ai bảo rằng mình đã mất? Mất sao vẫn còn thấy nghe như ai? Sao quá tự khi mình như thế?

Thôi đi! Xuân về hoa vẫn nở rộ trước mắt ai kia! Nắng lên, cây lá vẫn rung rung kêu gọi người về đó! Hãy mở mắt ra xem, có thiếu gì?

Kia, bà lão mất trâu đến Đại Đồng xem bói. Đại Đồng gọi to: - Bà lão! Bà
đáp: - Dạ! Sư cười bảo: - Đây rồi! Trâu có mất đi đâu! Chẳng những không mất
mà còn ngoan quá ngoan vô cùng. Vậy hỏi người đã tìm gặp hay chưa? Nếu chưa
thì hãy cúi xuống gót chân nhìn xem, cái gì chạm đất?

- Nó đây rồi! Vô tay cười to ha hả, hết bao thuở lang thang. Xin gửi lại cho
người, **MỘT LỄ THẬT SÁNG NGỜI MUÔN THUỞ!**

Búng tay vỡ nát ba ngàn cõi,
Chớp mắt mười phương thế giới không



Chùa Lâm – Thiền Viện Trúc Lâm Yên Tử với gốc đa cổ

